

BẢN TÓM TẮT

CHƯƠNG TRÌNH TÁI CẤU TRÚC NỀN KINH TẾ VIỆT NAM & CON ĐƯỜNG ĐƯA VIỆT NAM SỚM TRỞ THÀNH CƯỜNG QUỐC

Kính gửi:

- Nhân dân Việt Nam ở trong nước; người Việt Nam đang học tập, lao động, công tác ở nước ngoài; Việt kiều ở mọi quốc gia trên thế giới
- Nhân dân mọi quốc gia trên thế giới, nhân dân các quốc gia ASEAN
- Tổng bí thư đảng Cộng sản Việt Nam: Nguyễn Phú Trọng
- Ban chấp hành trung ương đảng Cộng sản Việt Nam và bộ chính trị đảng Cộng sản Việt Nam
- Chủ tịch quốc hội nước Việt Nam: Nguyễn Sinh Hùng
- Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam
- Chủ tịch nước Việt Nam: Trương Tấn Sang
- Văn phòng chủ tịch nước nước CHXHCN Việt Nam
- Thủ tướng chính phủ nước Việt Nam: Nguyễn Tấn Dũng
- Văn phòng chính phủ nước CHXHCN Việt Nam
- Các bộ, ngành nước CHXHCN Việt Nam
- Các hiệp hội, cơ quan tổ chức tôn giáo, đoàn thể xã hội nước CHXHCN Việt Nam
- Hội đồng bảo an Liên Hiệp Quốc
- Chính phủ các quốc gia ASEAN và mọi quốc gia trên thế giới.
- Các phóng viên báo chí và đài phát thanh, đài truyền hình, cơ quan báo chí của Việt Nam cùng mọi quốc gia trên thế giới
- Các hiệp hội doanh nghiệp, tổ chức nhân đạo, tổ chức tôn giáo các quốc gia ASEAN và mọi quốc gia trên thế giới
- Hội đồng liên minh các quốc gia ASEAN (Hội nghị thượng đỉnh ASEAN)

- Hội đồng liên minh châu Âu (EU)

Doanh nhân, doanh nghiệp Việt Nam, các quốc gia ASEAN và mọi quốc gia trên thế giới

Tôi tên là Lê Thăng Long, tên bí danh là Lincoln Lê, sinh năm 1967, là công dân mang quốc tịch Việt Nam.

Nay tôi xin được công bố công trình nghiên cứu nhằm giúp chính quyền và nhân dân Việt Nam (VN) sớm tái cấu trúc nền kinh tế để sớm đưa VN phát triển trở thành cường quốc.

LỜI MỞ ĐẦU

Chủ tịch Hồ Chí Minh – Người khai sinh ra nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa - khi còn sinh thời nhân dịp khai giảng năm học mới của học sinh, sinh viên có viết một bức thư gửi học sinh, sinh viên VN. Trong thư có đoạn viết rằng: “... Non sông Việt Nam có trở nên vẻ vang hay không, dân tộc Việt Nam có được sánh vai với các cường quốc năm châu được hay không, chính là nhờ một phần lớn ở công lao học tập của các cháu”. Đoạn văn đó thể hiện mong muốn của chủ tịch Hồ Chí Minh là muốn đưa VN trở thành cường quốc.

Kể từ khi chủ tịch Hồ Chí Minh mất năm 1969 đến nay năm 2013 đã 44 năm, kể từ khi VN thống nhất đất nước 30-4-1975 đến nay đã 38 năm lời ước mong của chủ tịch Hồ Chí Minh mong muốn VN trở thành cường quốc vẫn chưa thành hiện thực. Trên thế giới hiện nay có gần 200 quốc gia và vùng lãnh thổ, cho đến nay VN vẫn là một trong 30 quốc gia có bình quân thu nhập đầu người thấp nhất thế giới.

Vậy bao nhiêu năm nữa VN mới có thể trở thành một trong 30 quốc gia có bình quân thu nhập đầu người cao nhất thế giới?!

VN có tiềm năng để phát triển thành cường quốc hay không?!

Hãy so sánh với 3 quốc gia giàu của châu Á là: Singapore, Hàn Quốc, Nhật Bản với ba tiêu chí sau:

1- Về tổng trữ lượng, giá trị khoáng sản cả 3 quốc gia giàu của châu Á là Singapore, Hàn Quốc, Nhật Bản gộp lại chưa bằng 20% của VN. (Có đủ tài liệu khoa học xác thực để chứng minh nhận định này).

2- Về chỉ số gen thông minh (IQ) và chỉ số cảm xúc (EQ) người VN không hề thua kém người của các dân tộc Singapore, Hàn Quốc, Nhật Bản. (Nhiều cơ quan nghiên cứu khoa học uy tín của thế giới đã nghiên cứu và xác nhận nhận định này).

3- Về truyền thống văn hóa lịch sử từ khi dựng nước đến nay dân tộc VN

cũng không hề thua kém các dân tộc Singapore, Hàn Quốc, Nhật Bản.

Chỉ cần dựa trên ba yếu tố so sánh trên đã có thể đủ tự tin để khẳng định chắc chắn rằng: *"VN có tiềm năng lớn để sớm phát triển trở thành cường quốc!"*.

VN giàu mạnh đem lại sự hạnh phúc cho nhân dân VN. Khi VN giàu mạnh thì VN có điều kiện tốt hơn trong sự đóng góp, cống hiến cho cộng đồng ASEAN, cho toàn thể nhân loại thịnh vượng hơn, hòa bình hơn và hạnh phúc hơn.

VN hiện nay vẫn là quốc gia có nền chính trị XHCN với cơ cấu kinh tế đa thành phần. Chủ trương của đảng Cộng sản VN (ĐCSVN) và nhà nước VN vẫn muốn tiếp tục đưa VN phát triển kinh tế, xã hội theo định hướng XHCN.

Từ năm 2012 đến nay Đảng, Quốc hội, Nhà nước, Chính phủ VN phát động một chương trình lớn về tái cấu trúc nền kinh tế VN. Tôi và nhân dân VN rất hoan nghênh tinh thần này. Là một người VN rất yêu nước tôi đã âm thầm nghiên cứu giải pháp tái cấu trúc nền kinh tế VN và con đường đưa VN sớm phát triển trở thành cường quốc. Tôi không có bất kỳ điều gì buộc Đảng, Quốc hội, Nhà nước, Chính phủ và nhân dân VN phải đối xử với tôi về mọi quyền lợi vật chất, công danh. Tôi muốn cống hiến tự nguyện, vô điều kiện nhằm mong muốn giúp Đảng, Quốc hội, Nhà nước, Chính phủ doanh nhân, doanh nghiệp, nhân dân VN sớm tái cấu trúc nền kinh tế VN nhằm sớm đưa đất nước phát triển trở thành cường quốc.

Ngoài có tình yêu thương lớn đối với dân tộc VN, tôi còn có tình yêu thương rất lớn đối với toàn thể nhân loại. *Máu con người ở đâu cũng đỏ, nước mắt con người ở bất kỳ đâu cũng mặn*. Tôi mong muốn cho tất cả mọi con người trên thế giới được hưởng sự hòa bình, đầy đủ vật chất và tinh thần để sống hạnh phúc.

Ngay từ cuối thế kỷ 20 có nhiều học giả trên thế giới đã từng nhận định rằng *"Bước sang thế kỷ 21 nhân loại đã bước vào thời đại của nền kinh tế tri thức và hội nhập toàn cầu ở mức cao"*. Có nghĩa rằng, từ thế kỷ 21 trở đi nhân loại dần sẽ sử dụng chủ yếu trí tuệ thay cho lao động sức lực, cơ bắp để lao động kiếm sống. Lao động có sự hợp tác lớn ở quy mô toàn cầu thay cho lao động đơn lẻ. VN không thể nào phát triển kinh tế mạnh mà lại nằm ngoài sự phát triển kinh tế chung của toàn thế giới. Muốn phát triển kinh tế mạnh, bền vững thì phải có hòa bình, ổn định về an ninh. Bởi vậy tôi đã và đang nghiên cứu giải pháp tổng thể về hòa bình, an ninh, phát triển kinh tế chung cho cả VN, các quốc gia ASEAN, EU và toàn thế giới. Sau đây là những chủ đề chính mà tôi nghiên cứu, tôi sẽ công bố rộng rãi trong thời gian sớm nhất:

1/ Chương trình tái cấu trúc nền kinh tế VN trong một năm.

2/ Chương trình hoàn thiện hệ lý luận CNCS M-L.

- 3/ Chương trình nâng cao dân trí VN.
- 4/ Chương trình tái cấu trúc phát triển ngành đầu tư, kinh doanh bất động sản tại VN.
- 5/ Chương trình tái cấu trúc phát triển ngành y, dược VN.
- 6/ Chương trình tái cấu trúc phát triển giao thông đường sắt, đường bộ, đường thủy, đường hàng không VN.
- 7/ Chương trình tái cấu trúc phát triển đô thị, thành phố và nông thôn VN.
- 8/ Chương trình cứu hộ phá sản doanh nhân và doanh nghiệp VN.
- 9/ Chương trình tái cấu trúc phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp VN.
- 10/ Chương trình sửa đổi, bổ sung chính sách khoán 10 (khoán sản nông nghiệp) ở VN.
- 11/ Chương trình tái cấu trúc phát triển nghề cá và môi trường thủy sản VN.
- 12/ Chương trình tái cấu trúc phát triển nghề làm muối VN.
- 13/ Chương trình tái cấu trúc phát triển công nghiệp VN.
- 14/ Chương trình tái cấu trúc phát triển ngành thương mại VN.
- 15/ Chương trình tái cấu trúc phát triển ngành ngoại giao VN.
- 16/ Chương trình tái cấu trúc phát triển quốc phòng VN.
- 17/ Chương trình tái cấu trúc phát triển an ninh VN.
- 18/ Chương trình tái cấu trúc phát triển nguồn vốn ODA và quản lý sử dụng vốn ODA hiệu quả cao nhất..
- 19/ Chương trình tái cấu trúc phát triển rừng VN..
- 20/ Chương trình giúp Bộ Công an VN thành lập 20 tập đoàn kinh tế trực thuộc.
- 21/ Chương trình doanh nhân, doanh nghiệp điện tử VN.
- 22/ Chương trình nhân dân điện tử VN.
- 23/ Chương trình chính phủ điện tử VN mới.

- 24/ Chương trình tái cấu trúc phát triển ngành bưu chính – viễn thông VN.
- 25/ Chương trình tái cấu trúc phát triển ngành sản xuất và phân phối điện năng VN.
- 26/ Chương trình tái cấu trúc phát triển ngành truyền thông VN (báo chí, phát thanh, truyền hình).
- 27/ Chương trình phòng chống tham nhũng VN mới.
- 28/ Chương trình cải cách hiến pháp, pháp luật VN mới.
- 29/ Chương trình phòng, chống ma túy VN mới.
- 30/ Chương trình đặt tên cho đồng tiền VN mới.
- 31/ Chương trình tái cấu trúc phát triển ngành du lịch VN.
- 32/ Chương trình phát triển ngành công nghiệp dịch vụ dưỡng già quốc tế.
- 33/ Chương trình thành lập hội doanh nhân, doanh nghiệp hữu nghị VN – ASEAN.
- 34/ Chương trình thành lập hội doanh nhân, doanh nghiệp hữu nghị VN - Hoa Kỳ.
- 35/ Chương trình thành lập quỹ đầu tư hữu nghị VN - Hoa Kỳ.
- 36/ Chương trình thành lập hội doanh nhân, doanh nghiệp hữu nghị VN - Thế giới.
- 37/ Chương trình thành lập quỹ đầu tư hữu nghị VN – Thế giới.
- 38/ Chương trình thành lập quỹ đầu tư hữu nghị VN – ASEAN.
- 39/ Chương trình thành lập hội doanh nhân, doanh nghiệp hữu nghị VN – CHLB Nga.
- 40/ Chương trình thành lập quỹ đầu tư hữu nghị VN – CHLB Nga.
- 41/ Chương trình thành lập hội doanh nhân, doanh nghiệp hữu nghị VN - Ấn Độ.
- 42/ Chương trình thành lập quỹ đầu tư hữu nghị VN - Ấn Độ.
- 43/ Chương trình thành lập hội doanh nhân, doanh nghiệp hữu nghị VN – Nhật Bản.

- 44/ Chương trình thành lập quỹ đầu tư hữu nghị VN – Nhật Bản.
- 45/ Chương trình thành lập hội doanh nhân, doanh nghiệp hữu nghị VN – Hàn Quốc.
- 46/ Chương trình thành lập quỹ đầu tư hữu nghị VN – Hàn Quốc.
- 47/ Chương trình thành lập hội doanh nhân, doanh nghiệp hữu nghị VN – Úc.
- 48/ Chương trình thành lập quỹ đầu tư hữu nghị VN – Úc.
- 49/ Chương trình thành lập hội doanh nhân, doanh nghiệp hữu nghị VN – EU.
- 50/ Chương trình thành lập quỹ đầu tư hữu nghị VN – EU.
- 51/ Chương trình thành lập hội doanh nhân, doanh nghiệp hữu nghị ASEAN – EU.
- 52/ Chương trình thành lập quỹ đầu tư hữu nghị ASEAN – EU.
- 53/ Chương trình thành lập hội doanh nhân, doanh nghiệp hữu nghị ASEAN – Hoa Kỳ.
- 54/ Chương trình thành lập quỹ đầu tư hữu nghị ASEAN – Hoa Kỳ.
- 55/ Chương trình thành lập hội doanh nhân, doanh nghiệp hữu nghị ASEAN – Trung Quốc.
- 56/ Chương trình thành lập quỹ đầu tư hữu nghị ASEAN – Trung Quốc.
- 57/ Chương trình thành lập hội doanh nhân, doanh nghiệp hữu nghị ASEAN – CHLB Nga.
- 58/ Chương trình thành lập quỹ đầu tư hữu nghị ASEAN – CHLB Nga.
- 59/ Chương trình thành lập hội doanh nhân, doanh nghiệp hữu nghị ASEAN - Ấn Độ.
- 60/ Chương trình thành lập quỹ đầu tư hữu nghị ASEAN – Ấn Độ.
- 61/ Chương trình thành lập hội doanh nhân, doanh nghiệp hữu nghị ASEAN – Nhật Bản.
- 62/ Chương trình thành lập quỹ đầu tư hữu nghị ASEAN – Nhật Bản.
- 63/ Chương trình thành lập hội doanh nhân, doanh nghiệp hữu nghị ASEAN

– Hàn Quốc.

64/ Chương trình thành lập quỹ đầu tư hữu nghị ASEAN – Hàn Quốc.

65/ Chương trình thành lập hội doanh nhân, doanh nghiệp hữu nghị ASEAN – Úc.

66/ Chương trình thành lập quỹ đầu tư hữu nghị ASEAN – Úc.

67/ Chương trình vận động thành lập chính phủ chung ASEAN.

68/ Chương trình vận động thành lập an ninh thường trực chung ASEAN.

69/ Chương trình vận động thành lập quân đội thường trực chung ASEAN.

70/ Chương trình vận động thành lập đồng tiền chung ASEAN.

71/ Chương trình vận động thành lập Toà án, Viện Kiểm sát (viện công tố) chung ASEAN.

72/ Chương trình hợp tác chiến lược kinh tế chung ASEAN mới.

73/ Chương trình phát triển chiến lược văn hóa chung ASEAN.

74/ Chương trình phát triển chung ASEAN về khoa học kỹ thuật.

75/ Chương trình phát triển chung ASEAN về giao thông (đường thủy, đường bộ, đường sắt, đường không).

76/ Chương trình phát triển chung ASEAN về nghề cá, nuôi trồng thủy sản.

77/ Chương trình phát triển chung ASEAN về công nghiệp.

78/ Chương trình phát triển chung ASEAN về nông nghiệp và lâm nghiệp.

79/ Chương trình phát triển chung ASEAN về môi trường.

80/ Chương trình cải cách Liên Hiệp Quốc.

81/ Chương trình vận động thành lập chính phủ chung thế giới.

82/ Chương trình vận động thành lập an ninh thường trực chung thế giới mới.

83/ Chương trình vận động thành lập quân đội thường trực chung thế giới mới.

- 84/ Chương trình vận động thành lập đồng tiền chung thế giới.
- 85/ Chương trình vận động thành lập tòa án, viện kiểm sát (viện công tố) chung thế giới mới.
- 86/ Chương trình hợp tác chiến lược chung thế giới về văn hóa mới.
- 87/ Chương trình hợp tác chiến lược chung thế giới mới về nông nghiệp, lâm nghiệp.
- 88/ Chương trình hợp tác chiến lược chung thế giới mới về công nghiệp.
- 89/ Chương trình hợp tác chiến lược chung thế giới mới về lao động.
- 90/ Chương trình hợp tác chiến lược chung thế giới mới về khoa học kỹ thuật.
- 91/ Chương trình hợp tác chiến lược chung thế giới mới về môi trường.
- 92/ Chương trình hợp tác chiến lược chung thế giới mới về y dược.
- 93/ Soạn thảo hiến pháp chung ASEAN.
- 94/ Soạn thảo hiến pháp chính phủ chung thế giới.
- 95/ Chương trình hợp tác chiến lược chung thế giới mới về thương mại.
- 96/ Chương trình hợp tác chiến lược chung thế giới mới về chống chiến tranh, khủng bố.
- 97/ Chương trình hợp tác chiến lược phát triển chung thế giới về hòa bình và hạnh phúc nhân loại.
- 98/ Chương trình phòng chống tham nhũng toàn cầu.
- 99/ Chương trình phòng chống thiên tai, cứu hộ, cứu nạn toàn cầu mới.
- 100/ Chương trình hòa giải mâu thuẫn, xung đột vì hòa bình nhân loại.
- 101/ Chương trình phát triển tổng thể cho toàn nhân loại từ nay đến hết thế kỷ 21.
- 102/ Chương trình phát triển tổng thể cho toàn nhân loại từ nay đến hết năm 3000.
- 103/ Chương trình phát triển tổng thể cho toàn nhân loại từ năm 3000 trở đi đến một tỷ năm sau.

104/ Nhiều chương trình khác cho VN.

105/ Nhiều chương trình khác cho ASEAN.

106/ Nhiều chương trình khác cho EU.

107/ Nhiều chương trình khác cho nhiều quốc gia khác trên thế giới.

108/ Nhiều chương trình khác cho toàn nhân loại.

Tất cả những vấn đề tôi nghiên cứu hoàn toàn không chỉ dừng lại ở ý tưởng, ước mơ. Tất cả những vấn đề tôi tìm ra đều là những kế hoạch cụ thể, tỉ mỉ, khả thi để đem ứng dụng, thực hiện ngay lập tức ở VN, ASEAN và thế giới. Tôi sẽ công bố công trình nghiên cứu của tôi bằng văn bản, bằng sự thuyết trình công khai rộng rãi trước công chúng.

Trong thế kỷ 20 từng có một nhà nghiên cứu lịch sử châu Âu viết rằng *"lịch sử nhân loại là lịch sử các cuộc chiến tranh!"*. Quả thực đúng là như vậy, vì nội dung trong sách giáo khoa bộ môn lịch sử của học sinh phổ thông hầu hết mọi quốc gia chủ yếu viết về những cuộc chiến của nhân loại, Nhà nghiên cứu lịch sử châu Âu đó đã từng có điều ước mơ rằng: *"Biết đến bao giờ lịch sử nhân loại sang trang sử mới. Làm sao để có những trang lịch sử của nhân loại không còn viết về chiến tranh. Biết đến bao giờ lịch sử của nhân loại chỉ còn là những trang sử viết về phát triển văn minh, kinh tế, hợp tác, hạnh phúc của nhân loại!"*.

Trong hơn 30 năm liên tục tôi đã liên tục âm thầm, bèn bí nghiên cứu các giải pháp cụ thể để đưa nhân loại đến bước ngoặt lịch sử mới, đưa nhân loại đến một lối rẽ mới hoàn toàn không còn chiến tranh trong cuộc sống nhân loại. Thế giới hoàn toàn hòa bình, hợp tác mật thiết cùng phát triển kinh tế, văn hóa, khoa học kỹ thuật. Tôi tin chắc sẽ đến một ngày không xa chiến tranh chỉ còn có trong sử sách, ký ức cũ của loài người. Chắc chắn sẽ có một tương lai vĩnh viễn của loài người đoạn tuyệt hoàn toàn với chiến tranh. Một ngày không xa lịch sử của loài người chỉ còn là những trang sử viết về sự hợp tác, phát triển không còn chiến tranh, không còn nghèo đói, con người văn minh và hạnh phúc!

Tôi vốn dĩ từng làm doanh nhân nhiều năm, là một người có lối sống rất thực tế. Tôi không quan tâm đến những vấn đề không có tính khả thi để thực hiện ở thực tiễn. Mọi bài toán khó nhất của nhân loại đều có lời giải. Khi chưa biết phương pháp giải và đáp án thì cảm thấy hoàn toàn khó, khi đã biết phương pháp giải và đáp án thì cảm thấy bài toán ấy dễ. Tôi đã nghiên cứu rất kỹ để tìm ra phương pháp khoa học để có thể sớm đưa toàn bộ nhân loại đến bước ngoặt lịch sử mới về một giai đoạn lịch sử không còn chiến tranh, nghèo khổ. Xin hãy đừng hoài nghi lời nói của tôi khi chưa nghe tôi giải trình. *Suy nghĩ thâm sâu, hành động đơn giản* - đó là phong cách của tôi. Tôi đã tìm ra những phương pháp hành động rất đơn giản để có thể ứng dụng ngay lập tức nhằm sớm đem lại hòa bình, phát triển, văn minh, hạnh phúc cho

toàn nhân loại.

Tôi không coi bất kỳ ai, bất kỳ tổ chức nào, bất kỳ quốc gia nào trên thế giới là kẻ thù. Tôi có tấm lòng yêu thương vô cùng lớn với tất cả mọi người Việt Nam và mọi người ở mọi dân tộc trên thế giới. **Hãy ôm hôn kẻ thù của chính mình!** Đó là thông điệp tôi muốn tất cả mọi người trên thế giới hãy làm được như vậy. Tôi mong muốn tất cả mọi con người trên thế giới hãy mở rộng tấm lòng yêu thương con người. Hãy biết bao dung, tha thứ để xóa bỏ mọi hận thù. Hãy tăng cường sự tin cậy, hợp tác với nhau toàn nhân loại để cùng nhau mưu cầu sự phát triển, hòa bình, văn minh, hạnh phúc.

Trước tiên, tôi xin trình bày tóm tắt tổng thể các vấn đề cơ bản. Sau đó, tôi sẽ trình bày chuyên sâu từng chuyên đề như tôi đã nêu ở trên. Tôi sẽ phổ biến rộng rãi công trình nghiên cứu của tôi trên mạng Internet. Tôi mong đợi được mọi con người trên toàn thế giới quan tâm, đóng góp ý kiến để cùng xây dựng cho kế hoạch thêm hoàn thiện nhằm mưu cầu sự phát triển, mau chóng đem lại cho toàn nhân loại được hưởng hòa bình, thịnh vượng, hạnh phúc. Sau đây, tôi xin trình bày tóm tắt một số vấn đề quan trọng:

VẤN ĐỀ THỨ NHẤT: CHƯƠNG TRÌNH TÁI CẤU TRÚC NỀN KINH TẾ VIỆT NAM TRONG MỘT NĂM

Trong chương trình này tôi đặc biệt quan tâm đến những vấn đề:

- 1- Tái cấu trúc doanh nghiệp vốn nhà nước
- 2- Sửa đổi, bổ sung chính sách khoán 10 – khoán sản nông nghiệp.

Qua theo dõi thông tin trên báo chí, đài phát thanh, đài truyền hình và nhiều nguồn tin khác tôi biết được các cấp Đảng, Chính phủ, Nhà nước, Quốc hội và Nhân dân, doanh nghiệp khu vực vốn nhà nước rất tích cực tái cấu trúc kinh tế từ năm 2012 đến nay năm 2013. Đã gần 2 năm, nhưng thành quả tái cấu trúc kinh tế mới đạt được rất ít. Tôi nhận thấy phương pháp tái cấu trúc nền kinh tế Việt Nam từ năm 2012 đến nay chưa khoa học, còn nhiều sự bất hợp lý, phương thức tái cấu trúc kinh tế về bản chất đi ngược lại bản chất kinh tế, chính trị xã hội chủ nghĩa (XHCN).

Quan hệ kinh tế chính là bản chất sâu sắc nhất của quan hệ chính trị xã hội. Có một thực tế tại Việt Nam (VN) là đại đa số đảng viên, cán bộ công chức nhà nước, doanh nhân và nhân dân VN ta từ nhiều năm qua đến nay tư duy sai về quan hệ kinh tế - chính trị.

Tôi xin chứng minh cụ thể điều nhận định này của tôi:

Chính trị XHCN dựa trên cơ sở sở hữu công cộng về tài sản, tư liệu sản

xuất. Chính trị phi XHCN dựa trên cơ sở tư hữu tài sản tư liệu sản xuất. Từ năm 1975 đến năm 1985, VN có hơn 90% tài sản, tư liệu sản xuất là của quốc doanh, tập thể. Từ năm 1986 đến nay VN ta rất tích cực cổ phần hóa vốn doanh nghiệp nhà nước thành doanh nghiệp vốn tư nhân. Như vậy, xét về bản chất có nghĩa là từ năm 1986 đến nay VN ta gần xóa bỏ quan hệ kinh tế XHCN để trở thành kinh tế phi XHCN. Cho đến nay cơ cấu kinh tế VN kinh tế sở hữu công cộng chỉ còn khoảng 45%. Như vậy từ 1986 đến nay VN ta đã xóa bỏ được khoảng một nửa kinh tế XHCN.

Hiện nay VN ta vẫn tiếp tục thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp vốn nhà nước thành doanh nghiệp vốn tư nhân. Với tốc độ cổ phần hóa doanh nghiệp vốn nhà nước như hiện nay dự tính trong khoảng 20 năm nữa VN ta sẽ cổ phần hoàn toàn các doanh nghiệp vốn nhà nước. Đến khi đó tại VN không còn quan hệ kinh tế XHCN, chỉ còn kinh tế tư nhân phi XHCN. Về bản chất hiện nay VN ta là nền kinh tế hỗn hợp: kinh tế XHCN và kinh tế tư nhân phi XHCN.

Người VN ta thường hay nói chính trị của nước ta hiện nay là XHCN, thực sự ra cách hiểu này là không đúng bản chất. Để dễ hiểu tôi xin đưa ra ví dụ sau: Khi có một ly cà phê đen 100% nguyên chất thì người ta gọi đó là ly cà phê đen. Nhưng ta đổ bớt 50% cà phê trong ly rồi cho thêm 50% sữa vào đó thì khi đó trở thành ly cà phê sữa. Chúng ta quen gọi ly cà phê sữa là ly cà phê đen là không đúng với bản chất. Tên gọi của sản phẩm ngoài bao bì nên đúng với bản chất ruột của sản phẩm ấy.

Chúng ta gọi tên “bao bì” sản phẩm kinh tế, chính trị của VN hiện nay là XHCN là không hoàn toàn đúng bản chất thật của nó. Bản chất quan hệ kinh tế của VN hiện nay là kinh tế vốn nhà nước còn khoảng 45%, kinh tế tư nhân (phi XHCN) có khoảng 55%. Hiện nay cả nước ta chỉ còn gần 9000 doanh nghiệp vốn nhà nước, trong khi đó số lượng doanh nghiệp vốn nhà nước vẫn liên tục bị giảm đi. Doanh nghiệp vốn tư nhân ở VN hiện nay có khoảng hơn 500 ngàn doanh nghiệp, trong khi đó tổng số doanh nghiệp vốn tư nhân không ngừng tăng lên nhanh chóng.

Cương lĩnh, chính sách của Đảng, Chính phủ VN từ 1986 đến nay luôn khẳng định rằng VN ta phát triển kinh tế theo định hướng XHCN. Trên thực tế thực hiện ở VN ta thực hiện sai 100%, ngược 180 độ so với cương lĩnh, chính sách đề ra. Nếu là phát triển kinh tế định hướng XHCN thì phải dần loại bỏ kinh tế tư nhân để trở thành kinh tế sở hữu vốn nhà nước mới phải.

Từ 1986 đến nay, bản chất thật sự là VN tiêu diệt quan hệ kinh tế XHCN để trở thành kinh tế tư nhân phi XHCN. Kinh tế là bản chất sâu sắc nhất của chính trị. Khi VN ta từ 1986 đến nay xóa bỏ dần kinh tế XHCN trở thành kinh tế tư nhân thì đó chính là VN ta đang định hướng đi theo kinh tế chính trị phi XHCN rồi.

Tôi muốn giúp Đảng, Nhà nước, Quốc hội, Chính phủ và nhân dân VN bảo vệ nền kinh tế XHCN thực sự. Đó là bảo vệ nguồn vốn sở hữu nhà nước. Tôi phản đối chủ trương của Đảng, Nhà nước, Chính phủ, Quốc hội VN tiếp tục

cổ phần hóa doanh nghiệp vốn nhà nước trở thành doanh nghiệp vốn tư nhân.

1- Tái cấu trúc doanh nghiệp vốn nhà nước

Trên thực tế tại rất nhiều các doanh nghiệp vốn nhà nước từ nhiều năm qua đến nay kinh doanh kém hiệu quả, thua lỗ lớn. Tình trạng tham nhũng, lãng phí xảy ra ở các doanh nghiệp vốn nhà nước rất nhiều. Ước tính tỉ lệ tham nhũng, lãng phí ở khối doanh nghiệp vốn nhà nước chiếm khoảng 70% tổng số tệ nạn tham nhũng, lãng phí ở VN. Tỷ lệ tham nhũng, lãng phí ở khối công chức, cơ quan hành chính sự nghiệp chỉ chiếm khoảng 30%. Tôi có giải pháp đặc biệt khoa học để giảm toàn bộ tổng số 70% tệ nạn tham nhũng, lãng phí ở khối doanh nghiệp vốn nhà nước. Đặc biệt nguồn vốn nhà nước luôn được bảo tồn và phát triển. Doanh nghiệp vốn nhà nước luôn có lãi, như vậy thực sự VN mãi mãi vẫn còn quan hệ kinh tế sở hữu vốn XHCN.

Bảo vệ quan hệ kinh tế XHCN, đó chính sự bảo vệ một phần chính trị XHCN còn sót lại. Năm 1986 đến nay, VN thực hiện chính sách khoán 10 – chính sách khoán sản nông nghiệp. Từ 1985 trở về 1975, nông nghiệp, nông thôn VN chủ yếu thuộc về hợp tác xã nông nghiệp, tập thể kiểu cũ, quan liêu bao cấp. Từ 1986 đến nay, ruộng đất hợp tác xã nông nghiệp kiểu cũ được đem chia cho từng hộ gia đình nông dân canh tác. Nhìn hình thức bề ngoài thì nông nghiệp VN, nông thôn từ 1986 đến nay là tư nhân hoàn toàn. Nhưng nhìn nhận sâu sắc về bản chất thì không hoàn toàn là như vậy. Bởi vốn chủ yếu sản xuất nông nghiệp của nông dân chính là đất đai. *Về luật đất đai, VN quy định đất nông nghiệp là thuộc sở hữu toàn dân.* Nhà nước chỉ giao đất cho nông dân thuê thời hạn 20 năm đối với đất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản. Đất lâm nghiệp, đất trồng cây lâu năm, nhà nước chỉ giao cho nhân dân thuê sử dụng đất tối đa là 50 năm. Nhân dân sử dụng đất nông nghiệp, lâm nghiệp phải trả tiền thuê đất hàng năm với một định mức cố định. Cho dù nhân dân làm nông nghiệp, làm ruộng có lãi hay lỗ vốn thì vẫn phải nộp tiền thuê quyền sử dụng đất của nhà nước hàng năm.

Như vậy sở hữu về đất nông nghiệp và lâm nghiệp không phải là của tư nhân, vẫn là sở hữu nhà nước, vẫn là sở hữu vốn XHCN. Nhân dân chỉ sở hữu vốn lưu động, vốn vật tư cho sản xuất nông nghiệp mà thôi. Vốn đất đai của nhà nước khi thực hiện chính sách khoán 10 vẫn được bảo tồn 100%. Như vậy về cơ bản gần toàn bộ khu vực nông dân nông thôn về hình thức là kinh tế tư nhân, nhưng về bản chất thực sự sâu xa vẫn là kinh tế XHCN.

Từ 1986 đến nay, VN quản lý vốn ở khối doanh nghiệp vốn nhà nước khác so với quản lý vốn đất đai nông nghiệp. Cổ phần hóa doanh nghiệp vốn nhà nước thành doanh nghiệp vốn tư nhân là sự thay đổi hoàn toàn về bản chất sở hữu vốn. Tại sao VN ta không áp dụng mô hình quản lý vốn nhà nước ở các doanh nghiệp theo kiểu khoán 10 – khoán sản nông nghiệp về sự bảo vệ sở hữu vốn nhà nước về đất nông nghiệp ?

Ở Mỹ, Nhật Bản và nhiều quốc gia phát triển từ hơn 100 năm qua đến nay, rất phổ biến loại hình doanh nghiệp quản lý, điều hành thuê nguồn vốn. Tôi

xin mô tả những ý cơ bản về loại hình dịch vụ kinh doanh quản lý, điều hành thuê nguồn vốn ở các nước như sau:

Ví dụ 1: Có một doanh nghiệp A họ có nguồn vốn là 10 triệu USD. Họ đang kinh doanh trong nhiều năm liền. Có năm hòa vốn (không lãi), có năm bị lỗ vốn từ 1% đến 5% trên tổng vốn đầu tư. Khi đó có một công ty B là công ty chuyên về dịch vụ quản lý, điều hành thuê nguồn vốn. Công ty B là một công ty có năng lực quản lý, điều hành thuê nguồn vốn rất chuyên nghiệp. Họ có thể điều hành các công ty làm ăn thua lỗ trở thành các công ty làm ăn có lợi nhuận. Công ty B có đặt vấn đề hợp đồng hợp tác với công ty A như sau: công ty B sẽ nhận quản lý vốn điều hành thay cho ban lãnh đạo công ty A. Công ty B nhận trả cho công ty A số lãi hàng năm cố định là 5% một năm trên tổng số vốn đầu tư của công ty A, là 10 triệu USD. Nếu có lãi trên 5% một năm thì công ty B được hưởng số phần gia tăng trên 5%/năm. Nếu lợi nhuận dưới 5% / năm thì công ty B bị lỗ vốn. Ví dụ nếu có lãi là 10% / năm thì công ty được hưởng từ 10% - 5% = 5% / năm. Nếu lợi nhuận chỉ là 3% thì công ty B sẽ bị lỗ là 5% - 3% = 2% /năm.

Công ty B phải có tài sản ít nhất là 10% so với tổng số tài sản của công ty A là 10 triệu USD để làm đảm bảo. Nếu công ty B quản lý điều hành mà bị thua lỗ mà không thanh toán được thì công ty B phải gán nợ cho công ty A bằng tài sản hay khoản tiền bảo đảm. Quan hệ giữa công ty A và công ty B được pháp luật các quốc gia bảo hộ. Trong quan hệ này cả hai bên công ty A và công ty B đều có lợi ích. Công ty A thay vì bị lỗ vốn thì nhờ có công ty B giúp quản lý vốn và điều hành nên có lãi. Công ty A đã chuyển toàn bộ rủi ro của mình về khả năng bị lỗ vốn sang cho công ty B. Công ty B là công ty chuyên nghiệp về quản lý vốn về điều hành về doanh nghiệp. Do vậy công ty B có bản lĩnh và năng lực điều hành kinh doanh giỏi. Công ty B tự lượng sức, năng lực của mình. Công ty B họ tự tin có lãi lớn nên mới nhận lời quản lý vốn và điều hành doanh nghiệp thuê cho công ty A. Ít khi các công ty quản lý vốn và điều hành thuê doanh nghiệp bị lỗ vốn. Như vậy công ty B họ tìm kiếm được lợi nhuận đối với các công ty nên họ gần như không phải bỏ vốn đầu tư.

Tôi đã trình bày những ý cơ bản về ví dụ 1. Sau đây tôi xin trình bày những ý cơ bản ở ví dụ 2.

Cũng tương tự như ví dụ 1 về bản chất nhưng thay vì đối tượng là công ty A và công ty B thì là đó vốn cổ phần của cá nhân ở các công ty.

Ví dụ 2: một người tên là C có số vốn cổ phần ở các công ty là 1 triệu USD. Khi đó một người là D hoặc một công ty D nhận lời quản lý vốn, điều hành nguồn vốn cho C, D phải có nguồn vốn tối thiểu đảm bảo là 10% số vốn cổ phần của C, C giao khoản lãi hàng năm họ được hưởng là 5%/năm. D có nghĩa vụ quản lý vận hành nguồn vốn 1 triệu USD cho C. Nếu lợi nhuận trên 5% / năm thì D có lãi còn nếu lợi nhuận dưới 5%/năm thì D lỗ vốn.

Từ mô hình dịch vụ kinh doanh quản lý vốn, điều hành thuê nguồn vốn như giới thiệu trên ta có thể áp dụng để quản lý điều hành nguồn vốn nhà nước ở

VN. Ta có thể áp dụng theo hai phương án sau :

♦ **Giao khoán quản lý, điều hành trọn vẹn từng doanh nghiệp vốn nhà nước:**

Ví dụ 3: một doanh nghiệp vốn nhà nước có số vốn là 100 tỷ VND, nhà nước giao khoán định mức nộp lãi hàng năm là 5%, tức là mỗi năm phải nộp lãi là 5 tỷ đồng VN. Cho phép các công ty tư nhân hoặc cá nhân người VN được nhận quyền quản lý vốn và điều hành thuê doanh nghiệp vốn nhà nước. Có thể là một nhóm công ty hoặc cá nhân người VN cùng góp sức để nhận quản lý vốn và điều hành thuê một doanh nghiệp vốn nhà nước. Bên nhận quản lý vốn và điều hành thuê doanh nghiệp vốn nhà nước phải có tối thiểu 10% giá trị tài sản đối ứng làm đảm bảo. Nếu kinh doanh có lãi trên 5%/năm thì bên quản lý vốn điều hành thuê có lãi. nếu kinh doanh có lãi dưới 5%/năm thì bên quản lý vốn, điều hành vốn thuê lỗ vốn. Nhà nước có thể tổ chức đấu giá, đấu thầu. Các công ty, cá nhân có tài sản đối ứng đảm bảo lớn và chấp nhận nộp lợi nhuận hàng năm cao nhất sẽ thắng thầu, thắng đấu giá.

♦ **Trong trường hợp nhà nước không giao khoán toàn bộ từng doanh nghiệp vốn nhà nước thì nhà nước chia nhỏ từng gói cổ phần rồi cho các công ty tư nhân, các cá nhân đấu giá, đấu thầu từng gói cổ phần.**

Ví dụ 4: một doanh nghiệp có tổng giá trị tài sản theo kiểm toán vốn là 100 tỷ VND, phát hành cổ phần trị giá là 100 tỷ VND. Chia thành 100 gói cổ phần để đấu giá, đấu thầu hoặc giao khoán. Mỗi gói trị giá 1 tỷ VND. Nhà nước có thể để ra hạn mức nộp lãi hàng năm cố định và tài sản giá trị tối thiểu để đảm bảo. Hoặc nhà nước tổ chức đấu giá, đấu thầu để nhà nước giao quyền quản lý, điều hành từng gói cổ phần vốn nhà nước. Công ty tư nhân nào hoặc cá nhân nào có tài sản đảm bảo lớn nhất và chấp nhận trả lãi hàng năm cao nhất sẽ thắng đấu giá, đấu thầu. Mỗi công ty, cá nhân có thể tham gia từ một đến nhiều gói cổ phần vốn nhà nước.

Tại các công ty vốn nhà nước hiện nay có hội đồng quản trị hoặc hội đồng thành viên và ban tổng giám đốc điều hành. Các thành viên hội đồng quản trị hoặc hội đồng thành viên và ban điều hành công ty vốn nhà nước hoàn toàn do nhà nước chỉ định. Tất cả những người được bổ nhiệm đó điều không có vốn làm đảm bảo, họ chỉ là người làm thuê hưởng lương trong các doanh nghiệp vốn nhà nước. Cho dù doanh nghiệp vốn nhà nước có lãi hay lỗ vốn thì cán bộ, nhân viên của doanh nghiệp ấy vẫn hưởng lương và bổng lộc. Thậm chí doanh nghiệp vốn nhà nước bị tham nhũng, lãng phí vô tội vạ thì người giữ trọng trách tại các doanh nghiệp vốn nhà nước vẫn không phải chịu trách nhiệm. Việc bổ nhiệm cán bộ tại nhiều doanh nghiệp vốn nhà nước mang tính cảm tính ê kíp là sự rất phổ biến.

Từ 1945 đến nay tại VN và kinh nghiệm tại hàng chục quốc gia XHCN trên thế giới cho thấy việc tham nhũng, lãng phí, thiếu trách nhiệm tại các doanh nghiệp vốn nhà nước là rất phổ biến. Do vậy phần lớn, các doanh nghiệp vốn sở hữu công cộng làm ăn ít có hiệu quả cao so với các doanh nghiệp vốn sở hữu tư nhân.

Tại VN từ 1986 đến nay đối với lĩnh vực nông nghiệp nông thôn, sau khi thực hiện chính sách khoán 10 – khoán sản nông nghiệp, đã triệt tiêu được căn bản tệ nạn tham nhũng, lãng phí trong lĩnh vực nông nghiệp nông thôn. Vì vậy sản xuất nông nghiệp phát triển, nông dân VN đỡ đói nghèo hơn thời bao cấp ở hợp tác xã nông nghiệp kiểu cũ. Thực hiện chính sách khoán 10 – Khoán sản nông nghiệp, bản chất sở hữu ruộng đất nông nghiệp vẫn là sở hữu nhà nước không thay đổi so với thời bao cấp trước 1985, nhưng về quản lý sử dụng đất đai có thay đổi. Nhờ ở sự thay đổi về hình thức đó mà kinh tế khu vực nông nghiệp, nông thôn phát triển hơn trước. Tôi thiết nghĩ đã đến lúc Đảng, nhà nước, chính phủ, Quốc Hội VN sớm ban hành chính sách mới về quản lý, điều hành nguồn vốn các doanh nghiệp vốn sở hữu nhà nước tương tự như chính sách khoán 10 – khoán sản nông nghiệp tại VN từ 1986 đến nay.

Theo cách làm cơ bản như tôi trình bày ở trên cho phép bảo tồn 100% nguồn vốn sở hữu nhà nước. Nhà nước luôn có lãi nhiều hoặc ít không bao giờ doanh nghiệp nhà nước bị lỗ vốn, vì nhà nước đã chuyển giao toàn bộ rủi ro lỗ vốn sang cho các công ty tư nhân, các cá nhân tham gia quản lý và điều hành nguồn vốn. Sau khi giao quyền cho nhân dân quản lý vốn điều hành nguồn vốn các doanh nghiệp vốn nhà nước thì sau đó chính nhân dân sẽ tự sắp xếp lại cơ cấu quản lý, giám sát, điều hành nguồn vốn sao cho hiệu quả nhất. Việc sắp xếp lại bộ máy quản lý, giám sát, điều hành doanh nghiệp tương tự như các doanh nghiệp vốn nhà nước đã cổ phần hóa trở thành doanh nghiệp vốn tư nhân từ trước đến nay đã làm tại VN.

Tham nhũng là sự lấy tài sản, tiền bạc sở hữu doanh nghiệp sở hữu chung về làm của riêng. Chỉ khi còn tồn tại tài sản công thì mới còn lãng phí và tham nhũng. Tài sản của tư nhân khó tham nhũng được, vì khi tư nhân tự quản lý tài sản của họ thì chả lẽ họ lại lấy tài sản của chính họ sao. Sau khi khoán sản nông nghiệp hầu như rất ít có sự tham nhũng, lãng phí ở khu vực nông thôn. Sự tham nhũng ở VN chủ yếu ở khu vực doanh nghiệp vốn nhà nước, rất ít có sự tham nhũng lãng phí ở khu vực vốn tư nhân. Vì qua quyền quản lý vốn và điều hành nguồn vốn cho nhân dân thì nhân dân có quyền lợi, nghĩa vụ như vốn của chính họ. Vì vậy họ quản lý, điều hành nguồn vốn rất có trách nhiệm.

Từ 1986 đến nay tại VN ra sức tiến hành cổ phần hóa doanh nghiệp vốn nhà nước. Điều đó về bản chất sâu sắc là phản bội, đi ngược lại, xóa bỏ chế độ kinh tế và chính trị XHCN. Dần dần nếu VN cứ vẫn tiếp tục cổ phần hóa doanh nghiệp vốn nhà nước thành doanh nghiệp vốn tư nhân thì đến một thời điểm nào đó tại VN sẽ không còn tồn tại loại hình doanh nghiệp sở hữu vốn nhà nước chỉ còn lại hoàn toàn là loại hình doanh nghiệp vốn tư nhân. Khi đó bản chất quan hệ kinh tế VN hoàn toàn là kinh tế tư nhân (kinh tế phi XHCN). Bản chất thay đổi hoàn toàn sẽ dẫn đến hình thức thay đổi theo hoàn toàn. Khi xã hội chỉ còn toàn là kinh tế tư nhân, không còn kinh tế XHCN thì chính trị XHCN VN chắc chắn sẽ không còn tồn tại.

Năm 1986 VN ban hành chính sách khoán 10 – khoán sản nông nghiệp. Việc

thực hiện chính sách khoán 10 chỉ trong vòng 3 tháng là xong.

Khoán sản phẩm nông nghiệp là thực hiện việc chia đất hợp tác xã nông nghiệp kiểu cũ cho nông dân thuê dài hạn để sản xuất nông nghiệp. Việc làm đó thật đơn giản, có thể làm đại trà trong phạm vi cả nước. *Việc tái cấu trúc doanh nghiệp vốn nhà nước theo giải pháp tôi đưa ra có thể thực hiện đại trà tựa như việc thực hiện khoán sản nông nghiệp năm 1986 tại VN.*

Chính sách khoán 10 – khoán sản nông nghiệp năm 1986 tại VN do cố tổng bí thư Nguyễn Văn Linh chỉ đạo thực hiện. Chính sách này áp dụng từ năm 1986 đến nay là sự kế thừa của ông Nguyễn Kim Ngọc – nguyên bí thư tỉnh ủy tỉnh Vĩnh Phúc. Vì có tầm nhìn trước thời đại, vì quá nhiệt tình lo cho dân, vì dám nghĩ và dám làm trước khi có sự phê chuẩn của trung ương để thực hiện khoán sản nông nghiệp cho nên ông Nguyễn Kim Ngọc đã bị các cấp chính quyền VN trước năm 1986 kỷ luật rất nặng. Cho đến sau này khi cố tổng bí thư Nguyễn Văn Linh thực hiện thành công chính sách khoán 10 – Khoán sản nông nghiệp tại VN thì ông Nguyễn Kim Ngọc mới được minh oan. Khi được minh oan thì ông Nguyễn Kim Ngọc đã chết. Đảng, Nhà nước, Quốc Hội, Chính phủ VN đã truy tặng ông Nguyễn Kim Ngọc nhiều huân chương cao quý.

Tôi hy vọng tôi sẽ không bị trừng phạt lòng yêu nước, yêu nhân loại quá nhiều nên muốn cống hiến thật nhiều vì sự phát triển, hòa bình, hạnh phúc của dân tộc VN và nhân loại. Tôi hy vọng Đảng, nhà nước, Quốc Hội, chính phủ và các cơ quan pháp luật VN sẽ sớm nhìn nhận đúng đắn về động cơ bản thiện của tôi để không đối xử tệ hại với tôi cũng như đã từng đối xử tệ hại với ông Nguyễn Kim Ngọc – bí thư tỉnh ủy tỉnh Vĩnh Phúc trong quá khứ. Tôi không hề có sự ép buộc nào đối với Đảng, nhà nước, Quốc Hội, chính phủ, cơ quan pháp luật và nhân dân VN. Tôi chỉ muốn hiến kế để cùng Đảng, nhà nước, Quốc Hội, chính phủ, các cơ quan pháp luật cùng toàn thể nhân dân VN cùng thảo luận để tìm ra giải pháp tốt nhất tái cấu trúc nền kinh tế VN nhằm sớm đưa nước ta phát triển trở thành cường quốc như ước vọng của chủ tịch Hồ Chí Minh.

Từ 1986 đến nay VN ta làm cuộc cách mạng đổi mới nền kinh tế nhưng cuộc cách mạng đó chưa triệt để, còn tồn tại nhiều khiếm khuyết sai lầm. Tôi muốn VN ta thực hiện cuộc cách mạng đổi mới nền kinh tế lần thứ hai. Từ 1986 đến nay 2013 gọi là giai đoạn 1 hay là cuộc cách mạng đổi mới nền kinh tế VN lần thứ nhất. Cuộc cách mạng đổi mới nền kinh tế VN lần thứ hai này sẽ làm triệt để nốt phần còn lại mà cuộc cách mạng kinh tế VN lần thứ nhất chưa thực hiện triệt để.

Khi sinh thời chủ tịch Hồ Chí Minh rất chú trọng vấn đề phê bình và tự phê bình. Trong bộ máy Đảng, chính quyền nhân dân, có sai thì phải nghiêm túc sửa sai.

Từ 1953 đến 1956, tại miền Bắc VN thực hiện cuộc cách mạng cải cách ruộng đất và cải tạo tư sản. Trong cuộc cách mạng cải cách ruộng đất và cải tạo tư sản ấy có nhiều thành công nhưng cũng có nhiều sai lầm. Chính chủ

tịch Hồ Chí Minh đã phải đích thân ký sắc lệnh sửa sai cho cuộc cách mạng cải cách ruộng đất và cải tạo tư sản tại miền Bắc từ 1953 đến 1956. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã giao quyền lãnh đạo cuộc cách mạng này cho hai nhà lãnh đạo VN là Trường Chinh và Hồ Việt Thắng thực hiện. Vì chỉ đạo có nhiều chỗ sai lầm nên chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký lệnh kỷ luật Đảng đối với nhà cách mạng Trường Chinh và tử hình nhà cách mạng Hồ Việt Thắng.

Sau khi chủ tịch Hồ Chí Minh mất năm 1969, cố tổng bí thư Lê Duẩn đã thay cương vị của chủ tịch Hồ Chí Minh toàn quyền lãnh đạo cách mạng VN. Vì sinh ra và lớn lên trong môi trường chiến tranh nên cố tổng bí thư Lê Duẩn chủ yếu chỉ giỏi về quân sự, không giỏi về điều hành kinh tế. Do vậy từ 1985 trở về trước, kinh tế VN kém phát triển, nhân dân VN nhiều người bị đói khổ. Cố tổng bí thư Lê Duẩn mất năm 1985, sau đó cố tổng bí thư Nguyễn Văn Linh lên thay đã tiến hành cuộc cách mạng đổi mới kinh tế VN từ 1986 đến nay. VN ta đã gặt hái được nhiều thành quả phát triển kinh tế. Nhưng tôi và nhiều trí thức VN nhận thức rằng: *VN sẽ phát triển kinh tế nhanh hơn nữa nếu tiếp tục đổi mới nền kinh tế triệt để hơn.*

Lê Nin là nhà cách mạng cộng sản của nước Nga từng nói: «Nhiệt tình cộng ngu dốt là đại phá hoại!». Ông Đặng Tiểu Bình nhà cải cách kinh tế Trung Quốc thì từng nói rằng: «Bảo thủ, giấu dốt là tự sát! ». Chủ tịch Hồ Chí Minh khi sinh thời rất nghiêm khắc với thói giấu dốt bảo thủ bao che khuyết điểm, thời phồn thịnh thành tích. Thế hệ người VN ta đang sống hiện nay nên triệt để học tập theo tấm gương đạo đức của chủ tịch Hồ Chí Minh.

Hỡi tất cả mọi giới người VN ta từ cán bộ Đảng, chính quyền, doanh nhân và nhân dân hãy đừng giấu dốt, bảo thủ, có sai thì hãy dũng cảm nhìn thẳng vào sự thật để mà sửa chữa triệt để sai lầm!

Sai lầm là xấu, nhưng tệ hại hơn sai lầm là không dám nhìn nhận sai lầm và không dám sửa chữa sai lầm!

Nếu không dũng cảm nhìn nhận sai lầm và sửa chữa sai lầm để làm cuộc cách mạng đổi mới nền kinh tế VN lần thứ hai thì đến 1000 năm nữa ta cũng không thể trở thành cường quốc như ước nguyện của chủ tịch Hồ Chí Minh!

Ở phần trên tôi đã trình bày vắn tắt một số ý cơ bản về giải pháp tái cấu trúc kinh tế VN và khối doanh nghiệp vốn nhà nước. Để trình bày thật rõ, cụ thể chuyên đề này, tôi phải viết rất nhiều nữa. Tôi sẽ trình bày rõ thêm trong các cuộc hội nghị, hội thảo và các văn bản viết bổ sung sau này.

Sau đây tôi xin chuyển qua viết phần chỉnh sửa bổ sung chính sách khoán 10 – Khoán sản nông nghiệp VN.

2- Sửa đổi, bổ sung chính sách khoán 10 – khoán sản nông nghiệp.

So với thời kinh tế bao cấp từ 1985 về trước thì chính sách khoán 10 – Khoán Sản Nông Nghiệp VN từ 1986 đến nay có ưu việt hơn nhiều. Từ 1985 về trước hàng chục năm nông dân VN đa phần đói khổ. Từ 1986 đến nay

nông dân VN đã có đời sống kinh tế khá hơn thời kinh tế quan liêu bao cấp. Vì vậy cho đến nay số nông dân VN giàu có chiếm tỷ lệ rất thấp, đa phần nông dân nước ta vẫn còn nghèo. Làm sao để tất cả mọi nông dân VN đều giàu, chỉ có người giàu nhiều và người giàu ít, không có người dân nghèo.

Qua nhiều năm quan sát phân tích tôi nhận thấy chính sách khoán 10 – Khoán sản nông nghiệp VN còn tồn tại nhiều sự khiếm khuyết. Do vậy theo quan điểm cá nhân của tôi đã đến lúc Đảng, Nhà nước, Chính phủ, Quốc Hội VN nên ban hành chính sách nông nghiệp mới về chỉnh sửa bổ sung chính sách khoán 10 – Khoán sản nông nghiệp.

Sau đây tôi xin phân tích chỉ ra một số điều khiếm khuyết, hạn chế của chính sách khoán 10 – Khoán sản nông nghiệp VN:

Ruộng đất VN sau khi thực hiện chính sách khoán 10 là nhà nước chia ruộng đất cho từng hộ gia đình nông dân canh tác nông nghiệp. Vì chia nhỏ ruộng đất cho từng hộ nông dân làm ăn cá thể cho nên ruộng đất không tập trung thành những thửa ruộng lớn, ruộng đất bị chia thành những ô nhỏ. Do vậy rất khó khăn cho việc thành lập vùng chuyên canh, sản xuất nông nghiệp rất khó ứng dụng khoa học kỹ thuật hiện đại cho sản xuất nông nghiệp. Muốn đầu tư hệ thống thủy lợi, tưới tiêu tự động hóa và đưa máy móc cơ giới lớn vào sản xuất nông nghiệp rất khó hoặc không thể khi ruộng đất bị chia nhỏ, không có những cánh đồng chuyên canh quy mô lớn.

Từng hộ nông dân VN khi được nhà nước giao đất, mạnh nhà ai người đó tự chủ về ruộng đất, tự do làm theo ý riêng của gia đình mình. Đa phần gia đình các hộ nông dân VN ngày nay vẫn là sản xuất nhỏ, lao động thủ công với sức người cơ bắp rất cực nhọc mà năng suất lao động lại không cao. Muốn cho người nông dân VN có năng suất lao động cao hơn, lao động đỡ cực nhọc hơn thì buộc phải ứng dụng khoa học kỹ thuật hiện đại lớn vào sản xuất nông nghiệp. Phải đầu tư hệ thống thủy lợi tưới, tiêu nước tự động hóa và phải đầu tư nhiều máy móc phục vụ sản xuất nông nghiệp hiện đại. Từng hộ gia đình nông dân cá thể rất khó ứng dụng việc đầu tư hệ thống khoa học kỹ thuật hiện đại lớn phục vụ sản xuất nông nghiệp.

Tôi hoàn toàn không có ý định tập trung ruộng đất của nông dân VN trở lại giống với hợp tác xã nông nghiệp thời bao cấp cũ từ năm 1985 về trước. Chỉ có sự sửa đổi, bổ sung. Những nguyên tắc, chính sách cơ bản chung về chính sách khoán 10 – khoán sản nông nghiệp về ruộng đất vẫn không hề thay đổi. Tuy được sinh ra tại Hà Nội, sống thường xuyên tại TP. HCM nhưng quê gốc của cha, mẹ tôi là ở tỉnh Quảng Ngãi. Tôi đã đi rất nhiều nơi ở nông thôn VN khu vực đồng bằng và miền núi để nghiên cứu về những vấn đề nông nghiệp, nông thôn. Nay tôi xin giới thiệu hai mô hình mới về đầu tư sản xuất nông nghiệp lớn, hiện đại tại VN do tôi nghiên cứu sáng tạo ra. Sau đây là sự trình bày tóm tắt mô hình:

Mô hình 1: Hợp tác xã nông nghiệp tập thể kiểu mới.

Tôi ví dụ trung bình mỗi nhân khẩu ở gia đình nông dân, nông thôn được

chia ruộng theo chính sách khoán 10 là 500 m². Tính trung bình mỗi hộ gia đình nông dân, nông thôn VN có 5 người, như vậy ruộng đất mỗi gia đình nông dân nông thôn được chia là khoảng 2500 m². Tôi đã từng thấy có hộ gia đình nông dân được chia đất thành 5 đến 7 mảnh ruộng nhỏ ở các vị trí khác nhau. Việc các gia đình nông dân, nông thôn muốn dồn điền, đổi thửa cho mảnh ruộng lớn hơn là điều rất khó khăn. Vì gia đình này muốn đổi đất nhưng hộ gia đình khác lại không muốn.

Có thực tế là ngày nay tại khu vực nông thôn VN có khá nhiều hộ gia đình nông dân muốn hợp tác làm ăn chung với nhau. Ở khu vực nông thôn, tình làng nghĩa xóm, tình thân họ hàng rất mật thiết. Hầu hết những người nông dân VN đều có hàng xóm và bà con họ hàng thân thiết. Các gia đình trong dòng họ, trong làng xã có các nhóm gia đình thân hữu với nhau, họ muốn được hợp tác làm ăn chung với nhau. Nhóm ít thì từ 2 đến 10 gia đình, nhóm trung bình thì từ 11 -> 50 hộ gia đình, nhóm lớn thì từ 51 hộ gia đình trở lên. Nếu nhà nước ban hành chính sách sửa đổi, bổ sung chính sách khoán 10 – khoán sản nông nghiệp cho phép các xã nông thôn được phép trưng cầu ý nguyện nhân dân.

Các hộ gia đình nông dân trong từng xã nếu muốn hợp tác làm ăn chung với nhau thì bàn bạc việc hợp tác rồi đăng ký với ủy ban nhân dân xã. Ủy ban nhân dân xã dựa theo ý nguyện của nhân dân để chia lại ruộng đất sao cho hợp lý. Những hộ gia đình nông dân muốn hợp tác làm ăn lớn chung với nhau thì ủy ban nhân dân (UBND) xã chia ruộng đất gộp lại cho họ thành những mảnh ruộng lớn cho họ tiện việc canh tác. Khi có ruộng đất lớn tập trung thì từng nhóm hộ gia đình nông dân có điều kiện dễ dàng hơn để đầu tư khoa học kỹ thuật hiện đại lớn vào sản xuất nông nghiệp. Các hộ nông dân muốn làm ăn cá thể không muốn làm ăn chung với hộ gia đình nông dân khác thì chia gộp ruộng đất lại thành một mảnh cho họ tiện việc sản xuất. Không chia nhỏ đất đai nông nghiệp của mỗi hộ gia đình nông dân thành nhiều mảnh khác nhau.

Với đất đai lớn được chia gộp thành nhóm nhiều hộ gia đình thì các hộ gia đình nông dân đó có thể chọn 1 trong 2 mô hình. Mô hình 1 là hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới. Mô hình 2 là công ty cổ phần nông nghiệp kiểu mới. Với mô hình hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới mọi người dân tham gia đều có nghĩa vụ và quyền lợi bằng nhau. Họ tự bàn bạc để lập nên ban lãnh đạo hợp tác xã cổ phần nông nghiệp kiểu mới. Ban lãnh đạo hợp tác xã nông nghiệp cổ phần kiểu mới sẽ sắp xếp nhân lực lao động và điều hành việc sản xuất. Các thành viên trong hợp tác xã cổ phần nông nghiệp kiểu mới tự bàn bạc, thỏa thuận với nhau về việc tham gia lao động và phân chia quyền lợi.

Mô hình 2: Công ty cổ phần nông nghiệp kiểu mới.

Công ty cổ phần nông nghiệp kiểu mới có khác mô hình hợp tác xã cổ phần nông nghiệp kiểu mới một chút. Trên thực tế ở khu vực nông thôn kinh tế các hộ gia đình nông dân có khác nhau. Có hộ gia đình nông dân nghèo, có hộ gia đình nông dân trung lưu, có hộ gia đình nông dân giàu. Ngoài vốn là ruộng đất được nhà nước giao quyền sử dụng canh tác nông nghiệp thì rất

cần đầu tư vốn tiền mặt để mua sắm máy móc thiết bị, vật tư khoa học kỹ thuật hiện đại phục vụ sản xuất nông nghiệp. Khả năng đóng góp tài chính thêm của các hộ gia đình nông dân là khác nhau do khả năng thực lực kinh tế của các hộ gia đình nông dân có khác nhau. Nên phân tích tối đa khả năng đóng góp tài chính của hộ gia đình nông dân để có nhiều vốn đầu tư cho sản xuất nông nghiệp hiện đại và quy mô lớn. Cần phải có một phương thức phân chia lợi ích kinh tế đúng mức để khuyến khích các hộ gia đình nông dân bỏ nhiều vốn đầu tư cho sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, hiện đại.

Tôi tạm đưa ra một phương thức phân chia quyền lợi ở công ty cổ phần nông nghiệp kiểu mới như sau: Dành 50% lợi nhuận thu được từ sản xuất nông nghiệp chia đều cho các nông dân tham gia góp đất đai canh tác nông nghiệp chung. Còn lại 50% lợi nhuận từ sản xuất nông nghiệp chia cho người góp vốn đầu tư theo cổ phần vốn góp của các thành viên góp vốn đầu tư. Bộ máy của công ty cổ phần nông nghiệp kiểu mới gồm 3 bộ phận chính là: Hội đồng quản trị, ban kiểm soát, ban giám đốc điều hành. Sự bình bầu bộ máy của công ty cổ phần nông nghiệp kiểu mới tương tự như ở các công ty vốn nông nghiệp nhà nước sau khi tiến hành cổ phần hóa.

Theo 2 mô hình hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới và công ty cổ phần nông nghiệp kiểu mới thì bản chất của chính sách khoán 10 – khoán sản nông nghiệp không hề thay đổi. Khi tổng số ruộng đất và tổng số nhân khẩu ở từng xã nông thôn không thay đổi thì bình quân ruộng đất chia cho từng nhân khẩu nông dân nông thôn là không hề thay đổi. Mức thu thuế nông nghiệp nhà nước căn cứ vào diện tích và hạng mục đất tốt hoặc xấu để thu thuế. Do vậy, dù có chia lại ruộng đất thì tổng số thuế nông nghiệp của nhà nước thu được không hề thay đổi. Ruộng đất sau khi chia lại vẫn thuộc sở hữu của nhà nước như trước. Dự tính sẽ có khoảng 40% số nhân khẩu sẽ theo mô hình hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới, 50% nhân khẩu sẽ theo mô hình công ty cổ phần nông nghiệp kiểu mới, chỉ còn khoảng 10% số hộ gia đình nông dân muốn tiếp tục làm ăn cá thể như trước.

Việc thành lập hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới và công ty cổ phần nông nghiệp kiểu mới là hoàn toàn do những hộ gia đình nông dân tự nguyện, không có sự cưỡng ép. Các hộ gia đình nông dân, nông thôn thường họ sẽ lựa chọn đối tác là người thân trong dòng họ, trong làng xã, họ hiểu và đồng cảm với nhau. Do vậy trong từng hợp tác xã hoặc công ty cổ phần nông nghiệp kiểu mới các hộ gia đình nông dân họ sẽ có nhiều sự tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau.

Nông dân ở các nước phát triển như Mỹ, Nhật Bản, Hà Lan ... họ lao động chủ yếu bằng khoa học kỹ thuật hiện đại. Do vậy năng suất lao động cao, thu nhập cao và lao động ít cực nhọc hơn là lao động thủ công cơ bắp. Nông dân tại nhiều quốc gia phát triển được gọi là công nhân nông nghiệp. Nông dân tại các nước phát triển họ có lương cao, có bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, có chế độ hưu trí và nhiều phúc lợi xã hội khác. So với nông dân của nhiều nước phát triển thì đời sống, phúc lợi của nông dân VN rất thấp. Nếu có cơ chế, chính sách đúng đắn thì nông nghiệp, nông thôn VN sẽ nhanh

chóng phát triển mạnh.

Phần trên tôi đã trình bày tóm tắt một số ý cơ bản về sửa đổi, bổ sung chính sách khoán 10 – khoán sản nông nghiệp VN. Để trình bày rõ, cụ thể hơn về mọi vấn đề nông nghiệp, nông thôn VN tôi cần viết nhiều, rất nhiều nữa. Tôi sẽ trình bày bổ sung thêm các vấn đề về nông nghiệp, nông thôn VN trong các buổi hội nghị, hội thảo và trong các bài viết khác về chuyên đề nông nghiệp, nông thôn.

Sau đây, tôi xin chuyển qua viết về giải pháp tái cấu trúc doanh nghiệp vốn tư nhân và chương trình cứu hộ phá sản doanh nhân, doanh nghiệp VN.

3- Giải pháp tái cấu trúc doanh nghiệp vốn tư nhân và chương trình cứu hộ phá sản doanh nhân, doanh nghiệp VN

Từ năm 2011 đến nay tại VN có hơn 100.000 doanh nhân, doanh nghiệp VN bị phá sản. Trong số doanh nhân, doanh nghiệp VN bị phá sản có nhiều doanh nhân, doanh nghiệp ở khu vực vốn tư nhân. Tôi từng có nhiều năm làm doanh nhân và là một nhà nghiên cứu về kinh tế. Tôi cho rằng hoàn toàn có thể cứu hộ gần hết doanh nhân, doanh nghiệp VN tránh khỏi sự phá sản. Khi doanh nhân, doanh nghiệp phá sản thì sẽ tạo ra nhiều hậu quả xấu cho xã hội, nhà nước như: người lao động mất việc làm, nhà nước thất thu thuế, ngân hàng gặp khó khăn ...

Nguyên nhân nào tạo ra sự phá sản của hàng loạt doanh nhân, doanh nghiệp VN trong một số năm qua đến nay?!

VN ta hiện nay có khoảng 90 triệu dân và khoảng 500.000 doanh nghiệp. Như vậy bình quân gần 200 người dân VN mới có một doanh nghiệp. Ở các nước phát triển như Mỹ, Nhật Bản, Singapore ... tỷ lệ trung bình khoảng 20 người dân thì có một doanh nghiệp. Như vậy tỉ lệ bình quân số doanh nghiệp trên số người dân ở các nước phát triển cao gấp khoảng 10 lần ở VN. Một chuyên gia kinh tế nước ngoài từng nói: "Một quốc gia muốn phát triển kinh tế mạnh thì quốc gia ấy phải có nhiều doanh nhân, doanh nghiệp và có nhiều doanh nhân giỏi, doanh nghiệp lớn mạnh!".

VN muốn phát triển kinh tế mạnh thì phải nhanh chóng phát triển số lượng và chất lượng doanh nhân, doanh nghiệp. *Làm sao để có thêm thật nhiều doanh nhân, doanh nghiệp mới và hạn chế tối đa việc có doanh nhân, doanh nghiệp bị phá sản ở VN?*

Cả nước ta hiện nay chỉ còn khoảng gần 9000 doanh nghiệp vốn nhà nước và có khoảng 500.000 doanh nghiệp vốn tư nhân. Vai trò của doanh nhân, doanh nghiệp khu vực vốn tư nhân ngày càng quan trọng ở VN. Trong nhiều năm gần đây khối doanh nhân, doanh nghiệp vốn tư nhân ngày càng có vai trò quan trọng lớn tại VN. Doanh nhân, doanh nghiệp ở khu vực vốn tư nhân tạo ra nhiều triệu việc làm có thu nhập cho người dân VN, đóng góp nhiều

tiền thuế cho ngân sách nhà nước VN. Doanh nhân ở khối doanh nghiệp vốn tư nhân họ là những người lao động quản lý kinh doanh chân chính, họ rất đáng được trân trọng. Doanh nhân ở khối doanh nghiệp vốn tư nhân tại VN họ rất đáng được tôn vinh. Thương trường như chiến trường. Doanh nhân là người đứng đầu của mỗi doanh nghiệp, họ tựa như là người tướng cầm quân trên mặt trận kinh tế.

Tôi đã có hơn 20 năm làm doanh nhân, tôi có quan hệ rộng với rất nhiều doanh nhân ở VN và nước ngoài trong khu vực doanh nghiệp vốn tư nhân. Vì vậy tôi rất hiểu cuộc sống và công việc của giới doanh nhân VN và nước ngoài ở khối doanh nghiệp vốn tư nhân. Doanh nhân VN và doanh nhân nhiều quốc gia trên thế giới này nay họ đều là những con người có lương tâm, là người lao động chân chính. Doanh nhân ở khối doanh nghiệp vốn tư nhân họ lao động trí tuệ để quản lý doanh nghiệp, điều hành kinh doanh. Doanh nhân khối doanh nghiệp tư nhân họ tự tạo ra việc làm có thu nhập cho chính họ và còn tạo ra nhiều việc làm có thu nhập cho nhiều người khác trong xã hội. Doanh nhân là người tạo ra doanh nghiệp, khi doanh nghiệp hoạt động thì tạo ra nguồn thuế nộp cho ngân sách nhà nước. Doanh nhân ở khối doanh nghiệp vốn tư nhân hoàn toàn không phải thuộc về giai cấp bóc lột.

Định nghĩa thế nào là người bóc lột, thế nào là người bị bóc lột?!

Người bóc lột là người hưởng lợi kinh tế vượt quá sự cống hiến hữu ích của mình, hưởng lợi thêm ở phần cống hiến hữu ích của người khác. Người bị bóc lột là người không được hưởng hết lợi ích kinh tế do sự cống hiến hữu ích của mình và bị người khác hưởng mất một phần hoặc tất cả lợi ích kinh tế do sự cống hiến hữu ích của họ. Trong quá khứ lịch sử ở nhiều quốc gia trên thế giới từng có sự cưỡng bức lao động nô lệ. Khi đó người lao động không được tôn trọng quyền con người, người lao động không được bình đẳng quyền con người với giới chủ. Người lao động ở nhiều nước trên thế giới từng bị lao động cưỡng bức và phải chịu hưởng mức thu nhập thấp hơn sự cống hiến hữu ích của họ. Trong quá khứ lịch sử ở nhiều quốc gia trên thế giới từng có sự giới chủ bóc lột sức lao động của người lao động.

Nhưng thế giới ngày nay đã đổi khác rất nhiều so với các thế kỷ trước, Ngày nay tại hầu hết mọi quốc gia trên thế giới mọi người lao động đều được tôn trọng quyền con người. Khi người lao động được bình đẳng quyền con người với doanh nhân thì người lao động được tự do, tự nguyện không bị cưỡng bức khi họ đàm phán hợp đồng với doanh nhân, doanh nghiệp. Người lao động VN và toàn thế giới ngày nay được doanh nhân, doanh nghiệp trả thu nhập xứng đáng với sự cống hiến hữu ích của họ.

Như vậy doanh nhân, doanh nghiệp VN và thế giới ngày nay không hề bóc lột sức lao động của người lao động. Khi người lao động bị trả thu nhập ít hơn mức cống hiến của họ thì họ có quyền đòi hỏi doanh nhân, doanh nghiệp tăng thu nhập cho họ. Trong trường hợp doanh nhân hoặc doanh nghiệp nào đó không trả thu nhập cho người lao động xứng đáng thì người lao động tự do, có quyền không làm việc cho doanh nhân, doanh nghiệp ấy

để đi làm việc cho doanh nhân doanh nghiệp khác.

Doanh nhân VN và thế giới ngày nay không còn thuộc về giai cấp bóc lột. Người lao động VN và thế giới hiện nay không còn thuộc về giới bị bóc lột. Quan hệ giữa doanh nhân và người lao động ngày nay không phải là quan hệ giữa giai cấp bóc lột với giai cấp bị bóc lột. Quan hệ giữa doanh nhân và người lao động hiện nay là quan hệ hợp tác cùng làm ăn kinh tế tùy theo sự cống hiến hữu ích của người tham gia lao động tập thể để phân chia quyền lợi kinh tế. Người lao động góp vốn vào mỗi doanh nghiệp bằng trí tuệ, công sức, thời gian, trách nhiệm của họ để tham gia làm việc tạo ra lợi ích kinh tế. Doanh nhân góp vốn vào mỗi doanh nghiệp bằng vốn tài sản của họ, bằng trí tuệ, bằng công sức, bằng thời gian, bằng trách nhiệm của họ.

Lao động chủ yếu của doanh nhân là lao động trí tuệ để quản lý và điều hành doanh nghiệp. Doanh nhân phải chịu trách nhiệm cao hơn so với người lao động trong mỗi doanh nghiệp. Lao động quản lý điều hành doanh nghiệp là lao động phức tạp, cực nhọc và có nhiều rủi ro.

Từ những năm 2011 đến nay 2013, tại VN có hơn 100.000 doanh nghiệp bị phá sản. Nhìn vào con số thực tế đó cho thấy công việc của doanh nhân chịu nhiều rủi ro lớn. Khi tham gia làm việc tại mỗi doanh nghiệp, người lao động luôn có thu nhập xứng đáng với sự cống hiến của họ. Ngay cả khi doanh nhân doanh nghiệp bị lỗ vốn thì người lao động vẫn được trả thu nhập đầy đủ. Ngược lại khi doanh nghiệp bị lỗ vốn, doanh nhân không hề có thu nhập và còn phải chịu tất cả mọi rủi ro khi doanh nghiệp thua lỗ hay phá sản.

Từ trước đến nay tại VN và trên thế giới chỉ có doanh nhân bị phá sản, thua lỗ, không có người lao động bị thua lỗ hay phá sản. Như vậy cổ phần vốn góp của người lao động vào mỗi doanh nghiệp là chính sức lao động tạm thời của họ. Cổ phần sức lao động của người lao động được doanh nghiệp coi là phần vốn ưu đãi vì người lao động được thu nhập hàng tháng còn doanh nhân chỉ sau một năm thì mới có thể quyết toán được lỗ hay lãi trong đầu tư kinh doanh. Người lao động không phải chịu rủi ro cùng doanh nhân khi doanh nghiệp bị thua lỗ, phá sản.

Hoa Kỳ có thể là quốc gia sớm nhất, đầu tiên của thế giới có sự tôn trọng nhân quyền của người lao động và đã bỏ hoàn toàn chế độ bóc lột người lao động. Hoa Kỳ trước năm 1776 là thuộc địa của đế quốc Anh. Năm 1776 Hoa Kỳ giành được độc lập thoát khỏi sự thống trị của Anh. Tổng thống đầu tiên của Hoa Kỳ là tổng thống Washington, làm tổng thống hai nhiệm kỳ (mỗi nhiệm kỳ là 4 năm), từ năm 1789 đến 1796. Tổng thống thứ mười sáu của Hoa Kỳ là cố tổng thống Abraham Lincoln, ông làm tổng thống từ năm 1861 đến 1865. Cố tổng thống Washington có công khai sinh ra Hoa Kỳ nhưng đến thời kỳ Lincoln thì Hoa Kỳ mới hoàn toàn bãi bỏ được chế độ cưỡng bức lao động nô lệ đối với người da màu. Từ thời cố tổng thống Abraham Lincoln làm tổng thống trở đi, Hoa Kỳ từ đó đến nay vĩnh viễn không còn chế độ nô lệ. Kể từ đó mọi người lao động Hoa Kỳ được quyền bình đẳng con người đối với giới chủ. Sự bóc lột và bị bóc lột ở Hoa Kỳ đã bị xóa bỏ kể từ khi ngài

Abraham Lincoln làm tổng thống.

Tôi rất ngưỡng mộ tài và đức của ngài Abraham Lincoln cho nên tôi đã tự đặt cho mình bí danh là Lincoln Lê.

Rất nhiều người VN và thế giới từ nhiều năm qua cho đến nay luôn hiểu lầm Hoa Kỳ là quốc gia tư bản, hiểu lầm doanh nhân Hoa Kỳ là những chủ tư bản và thuộc về giai cấp bóc lột. Rất nhiều người VN và thế giới từ nhiều năm qua đến nay vẫn luôn hiểu lầm những người lao động Hoa Kỳ là thuộc về giai cấp bị bóc lột. Từ thời cố tổng thống Abraham Lincoln về trước thì đúng thật sự Hoa Kỳ là quốc gia tư bản vì có sự người chủ bóc lột, cưỡng bức đối với người lao động nô lệ.

Quốc gia tư bản là quốc gia khi có tồn tại sự bóc lột và sự bị bóc lột. Khi không còn sự bóc lột và sự bị bóc lột thì quốc gia đó không còn là quốc gia tư bản nữa. Hoa Kỳ từ thời cố tổng thống Abraham Lincoln làm tổng thống cho đến nay, tuy Hoa Kỳ không phải là quốc gia XHCN nhưng cũng lại không phải là quốc gia tư bản. Có hai loại hình kinh tế tư nhân là loại hình kinh tế tư nhân tư bản và kinh tế tư nhân phi tư bản. Kinh tế tư nhân tư bản là khi có tồn tại sự bóc lột và sự bị bóc lột sức lao động của người lao động. Kinh tế tư nhân phi tư bản là khi đó không có sự bóc lột và sự bị bóc lột sức lao động của người lao động.

Hoa Kỳ từ thời cố tổng thống Abraham Lincoln về trước là thời kỳ kinh tế tư nhân tư bản. Hoa Kỳ từ thời cố tổng thống Abraham Lincoln cho đến nay là thời kinh tế tư nhân phi tư bản. Vì nhân loại chưa có ai đặt tên cho kinh tế tư nhân phi tư bản cho nên nhiều quốc gia trên thế giới từ hơn một thế kỷ qua đến nay vẫn hiểu lầm Hoa Kỳ từ thời Abraham Lincoln đến nay vẫn còn là quốc gia tư bản. Tôi tạm đặt tên cho kinh tế tư nhân phi tư bản là kinh tế cộng đồng. Vì chưa có người sáng lập chủ thuyết lý luận chủ nghĩa Cộng đồng nên tôi tạm gọi kinh tế tư nhân phi tư bản Hoa Kỳ từ thời Abraham Lincoln đến nay và nhiều quốc gia trên thế giới là kinh tế Cộng đồng tự phát hay chính trị Cộng đồng tự phát hoặc chủ nghĩa Cộng đồng tự phát. Tôi và một số trí thức đang viết, sắp hoàn thành hệ lý luận về chủ nghĩa Cộng đồng và kinh tế Cộng đồng.

Tôi rất muốn minh oan cho giới doanh nhân VN và thế giới ở giới doanh nghiệp vốn tư nhân. Từ nhiều năm qua đến nay, tại VN và ở nhiều quốc gia trên thế giới, doanh nhân ở khối doanh nghiệp vốn tư nhân luôn bị hiểu lầm họ là những nhà tư bản thuộc giai cấp bóc lột. Sự hiểu biết sai lầm đó là sự xúc phạm ghê gớm đến danh dự và nhân phẩm của giới doanh nhân VN, thế giới ở khối doanh nghiệp vốn tư nhân. Đã đến lúc cấp thiết cần phải minh oan cho toàn bộ doanh nhân VN và thế giới ở khối doanh nghiệp vốn tư nhân ngày nay. Khi tuyên truyền doanh nhân thuộc về giai cấp bóc lột và người lao động thuộc về giai cấp bị bóc lột là tạo ra sự đối lập, đối kháng giữa doanh nhân và người lao động. Người lao động có tâm lý coi doanh nhân là đối kháng và kẻ thù vì doanh nhân thuộc về giai cấp bóc lột để bóc lột họ.

Doanh nhân và người lao động rất khó hợp tác với nhau khi doanh nhân

thuộc về giai cấp bóc lột và người lao động thuộc về giai cấp bị bóc lột. Doanh nhân phải lo toàn bộ vốn để tạo nên cơ sở vật chất, tư liệu sản xuất cho doanh nghiệp. Từ cơ sở vật chất, tư liệu sản xuất của doanh nghiệp mới tạo được việc làm cho chính doanh nhân và nhiều người lao động. Đáng lý người lao động cũng cần phải góp tiền tài sản để góp phần tạo ra cơ sở vật chất, tư liệu sản xuất cho doanh nghiệp.

Một trong những nguyên nhân quan trọng khiến doanh nhân, doanh nghiệp VN từ năm 2011 đến nay bị phá sản hàng loạt là do bị thiếu nguồn vốn đầu tư. Doanh nhân VN phải đơn phương độc mã, tự mình phải lo toàn bộ vốn đầu tư cho doanh nghiệp. Rất nhiều doanh nhân, doanh nghiệp phải vay vốn ngân hàng. Muốn vay vốn ngân hàng ở VN, doanh nhân phải thế chấp tài sản của mình. Có nhiều doanh nhân muốn vay vốn ngân hàng nhưng không có tài sản để thế chấp cho ngân hàng, do vậy họ phải đi mượn tài sản thân nhân bè bạn để thế chấp cho ngân hàng.

Có nhiều doanh nhân do quan hệ bị hạn chế không thể mượn được tài sản để thế chấp cho ngân hàng vì thế doanh nghiệp của họ muốn vay vốn mà không thể vay được vốn của ngân hàng. Có nhiều vốn doanh nhân mới có thể có điều kiện tốt để mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh. Quy mô sản xuất, kinh doanh lớn thì mới có điều kiện tạo ra thêm được nhiều việc làm có thu nhập cao cho người lao động và khi đó thì doanh nhân, doanh nghiệp cũng có điều kiện thu lợi nhuận cao hơn và nộp thuế cho ngân sách nhà nước được nhiều hơn.

Có một công thức để tính nhanh lợi nhuận hàng năm của mỗi quốc gia, mỗi doanh nhân, mỗi doanh nghiệp, mỗi gia đình, mỗi cá nhân như sau:

$$A = B * C * D$$

Trong đó:

- ♦ A: là tổng lợi nhuận thu được trong từng năm
- ♦ B: là tổng vốn đầu tư kinh doanh hữu ích
- ♦ C: là tổng số vòng quay vốn trong một năm
- ♦ D: là tỷ suất lợi nhuận trung bình trên mỗi vòng quay vốn trong từng năm.

Công thức tính lợi nhuận trong mỗi năm này tuy rất đơn giản nhưng có thể tính được lợi nhuận nhanh và chính xác. Theo công thức này cho thấy lợi nhuận thu được tỉ lệ thuận với số vốn dùng để đầu tư kinh doanh và số vòng quay vốn, tỉ suất lợi nhuận trên mỗi vòng quay vốn. Vốn đầu tư càng lớn lợi nhuận thu được càng lớn. Khi vốn đầu tư, kinh doanh nhỏ thì lợi nhuận thu được cũng nhỏ. Chỉ có vốn thực sự được sử dụng vào mục đích sản xuất, kinh doanh mới sản sinh ra lợi nhuận. Vốn dự trữ, vốn tiềm năng không được sử dụng không được sử dụng để sản xuất kinh doanh thì không sản sinh ra

lợi ích kinh tế.

Tôi gọi vốn sử dụng vào sản xuất, kinh doanh là vốn “thức”, và vốn dự trữ, vốn tiềm năng chưa được sử dụng vào sản xuất, kinh doanh gọi là vốn “ngủ quên”. Tại VN từ nhiều năm qua vốn “thức” rất ít trong khi đó nguồn vốn “ngủ quên” lại rất nhiều. Vốn “thức” mới tạo ra sản phẩm nuôi sống xã hội, vốn “ngủ quên” lại không tạo ra được sản phẩm nuôi sống xã hội. Muốn tăng cường sản sinh ra nhiều tiền của để nâng cao thu nhập cho nhân dân thì ta phải biết đánh thức những nguồn vốn “ngủ quên” trở thành những nguồn vốn “thức”.

Doanh nhân dùng tiền của mình để đầu tư sản xuất, kinh doanh. Doanh nhân sử dụng nhà ở của mình để thế chấp cho ngân hàng vay vốn đầu tư cho sản xuất, kinh doanh. Mọi tiền bạc tài sản của doanh nhân đều trở thành vốn “thức”. Trong khi đó có nhiều người dân lao động họ có tiền thì lại đem mua vàng và tài sản để cất trữ. Trong khi dùng tiền để mua vàng cất trữ làm của để dành thì tiền, vàng đó đã trở thành vốn “ngủ quên”.

Theo thông tin tôi đọc được trên báo chí thì hiện nay năm 2013 này chỗ vàng dự trữ trong nhân dân VN có khoảng trên 500 tấn (tương đương số tiền trên 25 tỷ USD hay trên 500.000 tỷ VND). Ngân hàng nhà nước VN và hiệp hội vàng thế giới cùng đưa ra con số ước lượng dự trữ vàng trong nhân dân ta hiện nay là hơn 500 tấn, trong khi nền kinh tế VN rất cần phát triển kinh doanh. Phát triển kinh doanh mà lại để số vốn lớn hơn 500.000 tỷ VND mà lại bị “ngủ quên” thì thật là lãng phí và vô cùng đáng tiếc.

Nếu biết kinh doanh có thể tạo ra lợi nhuận 30% / năm trên tổng vốn đầu tư. Với số vốn trên 500.000 tỷ đồng VN dự trữ vàng trong nhân dân VN nếu đem ra đầu tư sản xuất, kinh doanh với mức lợi nhuận 30% / năm thì mỗi năm nước ta có thêm một khoản lợi nhuận là khoảng 150.000 tỷ VND tương đương 7,5 tỷ USD. Trong một số năm gần đây, tổng số vốn ODA VN ta vay được của nước ngoài chỉ khoảng 7 tỷ USD/ năm. Số lợi nhuận có thể thu được từ việc đem vàng dự trữ trong nhân dân ra đầu tư có thể lớn bằng đến hơn tổng số vốn ODA mà VN ta huy động vay được hàng năm. VN ta vay nợ vốn ODA nước ngoài thì sau một thời gian phải trả nợ gốc và lãi. Vay vốn của nước ngoài mà không trả được hay trả không đúng hạn thời gian sẽ làm mất uy tín của cả dân tộc VN.

Còn hàng ngàn tỷ USD vốn “ngủ quên” khác ở VN chưa được đánh thức trở thành vốn “thức” để góp phần đưa kinh tế nước ta sớm phát triển mạnh hơn nữa. Tôi rất muốn hiến kế giúp Đảng, nhà nước, Quốc Hội, chính phủ, doanh nhân, doanh nghiệp, nhân dân VN sớm đánh thức nhiều ngàn tỷ USD vốn “ngủ quên” để trở thành vốn “thức” để tạo ra nguồn vốn lớn đầu tư cho sản xuất, kinh doanh của doanh nhân, doanh nghiệp, nhân dân VN.

Nguồn vốn có hai loại chính: vốn hữu hình và vốn vô hình. Vốn hữu hình là tiền, vàng, tài sản, tài nguyên thiên nhiên. Vốn vô hình là trí tuệ con người, là văn hóa, là luật pháp, là cơ chế chính trị xã hội, là mối quan hệ trong nước và

quốc tế, là sức khỏe con người, là tinh thần, là niềm tin.

Vốn hữu hình quan trọng nhưng vốn vô hình cũng rất quan trọng. Singapore và Nhật Bản là hai quốc gia có rất ít tài nguyên và khoáng sản. Vốn quan trọng nhất để phát triển kinh tế của Singapore và Nhật Bản chính là vốn vô hình. Singapore và Nhật Bản dựa trên cơ sở con người có trí tuệ cao, có văn hóa hợp tác tốt, có cơ chế chính trị xã hội tốt, có luật pháp nghiêm minh và khoa học, có quan hệ quốc tế tốt để phát triển kinh tế mạnh.

Tại Nhật Bản trong từng doanh nghiệp lớn, nhỏ, quan hệ giữa người lao động và doanh nhân rất tốt. Người lao động Nhật Bản rất coi trọng người lãnh đạo doanh nghiệp. Người lãnh đạo Nhật Bản làm việc rất có trách nhiệm với công việc, họ coi công ty tựa như gia đình của họ. Người doanh nhân Nhật Bản quý trọng người lãnh đạo như người thân của mình. Quan hệ tốt giữa doanh nhân và người lao động đã tạo ra sức mạnh cho các doanh nghiệp Nhật Bản. Người lao động Nhật Bản không hề có tâm lý đối kháng với doanh nhân. Người lao động Nhật Bản coi doanh nhân như là vị tướng cầm quân ở mặt trận kinh tế. Doanh nhân và người lao động Nhật Bản họ coi nhau là hợp tác, đối tác thân thiết. Văn hóa doanh nhân, doanh nghiệp của Nhật Bản rất đáng cho nhân dân ta học tập. Phần lớn người lao động Nhật Bản đều có nhiều hay ít cổ phần trong chính doanh nghiệp mà họ tham gia làm việc. Người lao động Nhật Bản luôn chia sẻ rủi ro khó khăn với những người lãnh đạo doanh nghiệp của họ.

Trong bối cảnh cạnh tranh kinh tế toàn cầu gay gắt hiện nay mỗi doanh nghiệp VN và thế giới có tồn tại phát triển được hay không phụ thuộc vào văn hóa quan hệ giữa doanh nhân và người lao động rất nhiều. Doanh nghiệp khó đứng vững, phát triển trên thương trường nếu như thiếu hợp tác mật thiết giữa doanh nhân với người lao động. Lý do quan trọng nhất dẫn đến doanh nghiệp VN bị phá sản trong mấy năm qua đến nay đó chính là do thiếu vốn đầu tư. Nhân dân VN ta thường hay nói rằng: “lắm tài không bằng dài vốn!”. Tôi từng trải qua hơn 20 năm kinh nghiệm làm kinh doanh, tôi nhận thấy câu nói: “lắm tài không bằng dài vốn!” thật là đúng. Nếu người lao động biết chia sẻ khó khăn rủi ro với doanh nhân thì số lượng doanh nhân, doanh nghiệp VN ta bị phá sản sẽ giảm thiểu.

Để dễ hiểu tầm quan trọng sự hợp tác giữa người lao động và doanh nhân tôi xin đưa ra một ví dụ cụ thể sau: “Một doanh nghiệp sản xuất may mặc có 1000 công nhân. Nếu mỗi công nhân góp vốn với doanh nghiệp bằng tiền mặt là 10 triệu VND thì doanh nghiệp ấy đã có một lượng vốn là 10 tỷ VND. Nếu 1000 công nhân đó ủy quyền tài sản của mình cho doanh nghiệp thế chấp vay vốn ngân hàng. Tính trung bình mỗi tài sản nhà riêng của công nhân vay được 100 triệu VND thì sẽ tạo cho doanh nghiệp có nguồn vốn thêm là 100 tỷ VND. Số vốn từ 10 tỷ VND đến 100 tỷ VND là số vốn không nhỏ có thể giúp cho doanh nghiệp vốn đầu tư để mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh, đổi mới công nghệ, gia tăng thêm vốn lưu động và quỹ phòng chống rủi ro.

Tại VN ta hiện nay có khoảng 500.000 doanh nghiệp vốn tư nhân, nếu như

tại hầu hết các doanh nghiệp vốn tư nhân đó người lao động đều góp vốn, chia sẻ khó khăn với doanh nhân thì doanh nhân, doanh nghiệp VN sẽ mạnh hơn rất nhiều. Sẽ rất ít doanh nghiệp VN bị thiếu vốn tới mức bị lâm vào hoàn cảnh buộc phải phá sản. Khi doanh nghiệp bị phá sản không chỉ có doanh nhân bị thiệt thòi mà người lao động cũng thiệt thòi vì mất việc làm có thu nhập ổn định. Khi có hàng loạt doanh nghiệp bị phá sản sẽ làm cho kinh tế của VN ta khó khăn, nạn thất nghiệp lớn có thể tạo ra mất trật tự, rối loạn xã hội. Trong hoàn cảnh thực tế mấy năm qua đến nay, doanh nghiệp của VN ta bị phá sản hàng loạt.

Tôi nghĩ rằng đã đến lúc rất cấp thiết cần phải xây dựng một nền văn hóa doanh nghiệp cho thật tốt. Văn hóa doanh nghiệp và văn hóa hợp tác tốt giữa doanh nhân với người lao động, là văn hóa hợp tác giữa doanh nghiệp này với doanh nghiệp khác, là văn hóa quan hệ giữa doanh nghiệp với cơ quan chính quyền.

.....

VẤN ĐỀ THỨ HAI: ĐỔI MỚI TƯ DUY LÝ LUẬN

Nhờ chịu khó học hành nghiên cứu và quan sát phân tích nên tôi rất hiểu tâm lý văn hóa của đại đa số người lao động VN. VN ta là quốc gia XHCN, lấy học thuyết CNCS M-L làm lý luận cơ bản để tư duy, hành động. Phân tích để tìm hiểu sâu về hệ lý thuyết và nhìn nhận thực tiễn tôi đã tìm ra rất nhiều sự sai lầm, thiếu sót về lý luận của CNCS M-L. Khi tư duy, nhận thức sai lầm thì khi hành động ắt sẽ buộc phải gặt hái những hậu quả xấu. Học thuyết CNCS M-L rất đồ sộ. Để có thể nói hết, phân tích mọi sai lầm, thiếu sót của hệ CNCS M-L thì tôi cần phải viết ít nhất 5.000 trang giấy khổ A4. Trong văn bản này tôi đã chỉ xin nêu một số sự sai lầm thiếu sót căn bản của hệ lý thuyết CNCS M-L. Chính vì sự thiếu sót sai lầm của hệ lý thuyết CNCS M-L đã làm chia rẽ phá vỡ sự đoàn kết của con người. Hệ lý luận CNCS M-L đã gây chia rẽ giữa doanh nhân và người lao động, giữa quốc gia XHCN và quốc gia phi XHCN, giữa người có tôn giáo với người không có tôn giáo, giữa người trí thức với người kém trí thức.

Những sự thiếu sót sai lầm của hệ lý thuyết CNCS M-L đã đầu độc con người. Từ 1945 đến nay hệ lý luận CNCS M-L đã ngấm sâu vào đời sống văn hóa, tinh thần của đại đa số người VN. Nếu VN ta vẫn quyết đi theo con đường XHCH thì rất cần nên sớm hoàn thiện lại hệ lý thuyết CNCS M-L. Hãy phân tích, nhìn nhận để loại bỏ sai lầm và bù chỗ thiếu sót của hệ lý luận CNCS M-L. Tôi đã dành ra hơn 30 năm miệt mài nghiên cứu hệ lý luận CNCS M-L. Nay tôi có thể chỉ ra rất nhiều chỗ sai lầm thiếu sót của CNCS M-L.

Tôi hoàn toàn không có ý chống phá Đảng và nhà nước VN bởi tôi là người VN rất yêu nước. Tôi chỉ muốn chống những điều sai lầm, thiếu sót để hầu mong giúp Đảng, Nhà nước, Quốc Hội, Chính phủ, Doanh nhân, Nhân dân VN ta sớm khắc phục thiếu sót sai lầm để góp phần sớm đưa nước ta phát triển trở thành cường quốc. Tôi rất mong Đảng, Nhà nước, Quốc Hội, Chính

phủ, những cơ quan pháp luật, Doanh nhân, Trí thức, Nhân dân VN không hiểu lắm động cơ thiện chí tốt đẹp của tôi.

Tấm lòng của tôi trong sáng, yêu nước tha thiết bằng và hơn cả cố bí thư tỉnh ủy tỉnh Vĩnh Phúc là ông Nguyễn Kim Ngọc nữa. Tôi tự nhận thấy về tâm và tài của tôi còn có sự vượt trội hơn cả ngài Lý Quang Diệu cựu thủ tướng Singapore nữa. Tôi tin tưởng chắc chắn rằng những hiến kế của tôi được áp dụng triệt để ở VN thì chắc chắn sẽ sớm đưa được VN thành cường quốc, phát triển kinh tế bằng hoặc hơn cả Singapore; Hàn Quốc, Nhật Bản, Pháp, Anh, Thụy Sĩ, Hà Lan, Israel, Nga, Trung Quốc, Hoa Kỳ, Canada, Australia, ...

Xin hãy đừng vội hoài nghi lời tôi nói, xin hãy lắng nghe lời tôi giải trình, nếu hoài nghi xin để sau khi nghe hết lời tôi giải trình hãy kết luận. Tôi có bằng cao học, nhưng đến nay tôi có trình độ ở đẳng cấp tiến sĩ và trên tiến sĩ một số lĩnh vực như: kinh tế, triết học, chính trị, xã hội, tôn giáo, khoa học kỹ thuật, quân sự, an ninh, pháp luật, ... Sở dĩ tôi có kiến thức sâu và rộng ở nhiều lĩnh vực như vậy là vì tôi rất yêu dân tộc VN và nhân loại. Ngay từ khi còn là học sinh phổ thông đến nay tôi luôn ấp ủ khát vọng lớn là làm sao sớm đưa được VN trở thành cường quốc, làm cho toàn thế giới hòa bình, thịnh vượng, hạnh phúc. Vì có mục tiêu lớn, cao cả nên tôi luôn rất quyết tâm học tập để có nhiều trí thức nhằm cầu mong cống hiến cho dân tộc VN và nhân loại. Trong hơn 30 năm qua tôi đã âm thầm quyết tâm học tập, nghiên cứu nhiều lĩnh vực khác nhau.

Đã có nhiều nhà bác học chủ yếu nhờ tự học, tự nghiên cứu mà trở thành những con người có tài năng, trí tuệ lỗi lạc. Nhà bác học Edison chỉ mới học hết lớp 2 đã tự học tự nghiên cứu để trở thành nhà bác học nổi tiếng. Nhà bác học Edison đã cống hiến cho nhân loại hơn 1000 sáng chế, phát minh có giá trị. Nhiều nhà bác học khác của thế giới chỉ có văn hóa chưa học xong phổ thông. Những nhà bác học ấy đã tự học tự nghiên cứu để trở thành những con người có trí tuệ, tài năng đặc biệt.

Chủ tịch Hồ Chí Minh là lãnh tụ của dân tộc VN và nhiều nhà lãnh tụ của các nước trên thế giới cũng chưa hề có tấm bằng đại học nhưng trí tuệ thực tế thì còn vượt xa rất nhiều người có học vị tiến sĩ.

Tôi sinh ra và lớn lên trong gia đình VN có truyền thống về trí thức cao. Cha đẻ tôi là tiến sĩ xây dựng, giảng viên đại học Lê Ba. Vợ tôi là tiến sĩ toán học, giảng viên đại học Nguyễn Phương Anh. Vợ tôi du học ở Pháp 9 năm, nhận bằng tiến sĩ toán học tại Pháp năm 26 tuổi. Cha vợ tôi là giáo sư, tiến sĩ, viện sĩ viện hàn lâm không vũ trụ Nga Nguyễn Anh Tuấn. Gia đình tôi thật sự là gia đình có truyền thống cách mạng kiên cường. Cả cha và mẹ tôi đều là đảng viên đảng CSVN, đều tham gia cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ. Cha và mẹ tôi tham gia cách mạng trước 1954 tại miền Nam VN, vì bị lộ nên sau 1954 trở thành cán bộ miền Nam VN tập kết ra Bắc. Ông ngoại tôi là liệt sỹ trong cuộc cách mạng kháng chiến chống Pháp. Cả ông bà nội, ngoại của tôi đều có tham gia kháng chiến chống Pháp, chống Nhật, chống Mỹ.

Lịch sử chống Pháp, chống Nhật, chống Mỹ của VN đã qua đi, trở thành quá khứ. Tôi là con người có tấm lòng bao dung lớn, do vậy không mang lòng hận thù với các dân tộc Pháp, Nhật, Mỹ. Bản thân tôi có quan hệ tình bạn tốt với nhiều doanh nhân, trí thức của Pháp, Nhật, Mỹ. Vốn có bản tính rất công bằng, tôi luôn rất nghiêm khắc với bản thân, cho dù là vợ hay em gái, nếu sai tôi quyết can ngăn. Đối với kẻ thù, nếu họ có những điều hay tôi sẵn sàng học và thừa nhận, hoan nghênh họ.

Thuở thiếu thời tôi là người vô thần đến mức tuyệt đối, nhưng sau này tôi trở thành người tín ngưỡng đa tôn giáo. Tôi là một người nghiên cứu về tôn giáo, tôi ngưỡng mộ cả Phật giáo, Tin lành giáo, Công giáo và một số tôn giáo khác. Nhân loại từ hàng vạn năm nay đã xảy ra quá nhiều sự chia rẽ, xung đột, chiến tranh. Tôi muốn gắng sức cống hiến để hầu mong nhân loại hết chia rẽ, xung đột, chiến tranh.

Dân tộc VN ta từ hàng ngàn năm qua đến nay cũng đã xảy ra quá nhiều sự chia rẽ, xung đột, chiến tranh. Tôi được sinh ra từ khi đất nước VN còn chiến tranh. Tôi đã đi rất nhiều nơi tại VN, đã nghe, đã nhìn, đã tìm hiểu để biết rất nhiều nỗi đau khổ của nhân dân VN vì nghèo đói, vì chiến tranh, vì bất đồng, vì chia rẽ. Tôi muốn xóa bỏ đi mọi sự chia rẽ, xung đột, bất đồng, chiến tranh ở VN. Kể từ khi VN tuyên ngôn độc lập từ 2/9/1945 đến nay 2013 đã gần 70 năm, kể từ khi thống nhất đất nước 30/4/1975 đến nay 2013 đã gần 40 năm, nhưng ở VN ta còn rất nhiều sự bất đồng, chia rẽ về tư tưởng. Có rất nhiều sự bất đồng, chia rẽ không đáng có. Nguyên nhân tạo ra sự bất đồng, chia rẽ ấy là do một số bộ phận người VN nhận thức về xã hội chưa đúng.

Từ hàng ngàn năm qua đến nay người VN ta ít có sáng tạo về lý thuyết tư tưởng. Tư tưởng, lý thuyết của đại đa số người VN hôm nay đang có chủ yếu là do sự du nhập từ nước ngoài vào VN. CNCS M-L do các Mác người Đức và Ăng ghen người Anh sáng lập thuyết. Công giáo và Tin Lành giáo được các nhà truyền giáo phương Tây truyền giáo qua VN. Phật giáo thì có nguồn gốc xuất phát từ Ấn Độ. Học thuyết chính trị và tôn giáo của người VN ngày nay có được chủ yếu do du nhập từ các nước vào nước ta. Các học thuyết chính trị và tôn giáo nước ngoài du nhập vào nước ta có nhiều nguồn gốc khác nhau với nhiều nội dung khác nhau. Mỗi nhóm người VN tiếp thu những học thuyết chính trị và tôn giáo khác nhau, do vậy mang tư tưởng, tâm lý khác nhau.

Vì nội dung những học thuyết chính trị và tôn giáo nước ngoài du nhập vào VN có sự khác biệt, đối kháng với nhau, đã tạo nên sự xung đột, đối kháng về tư tưởng trong những nhóm người VN. Người hữu thần đối kháng với người vô thần. Người tôn giáo này đối kháng với người tôn giáo khác.

Tôi muốn giới thiệu một hệ lý luận mới để dung hòa mọi sự đối lập khác biệt giữa các học thuyết chính trị và tôn giáo tại VN, tại mọi quốc gia trên thế giới. Tôi tiếp thu mọi tinh hoa và loại trừ mọi sai lầm của các học thuyết chính trị và tôn giáo trên thế giới. Đồng thời tôi có thêm nhiều sáng tạo mới để bổ sung cho phần thiếu hụt của các học thuyết chính trị và tôn giáo trên thế giới. Kế thừa tinh hoa của thế hệ tiền nhân và thêm sáng tạo mới để hoàn thiện

các học thuyết nhằm phục vụ tốt đời sống nhân loại là điều hay. Tất cả mọi điều tôi nói ra, viết ra đều mang tính khoa học, có chứng minh bằng thực tiễn, cụ thể.

Tôi muốn người VN hãy tự sáng tạo ra hệ lý thuyết để phục vụ cho dân tộc mình, đồng thời tôi mong muốn trong thế kỷ 21 này và thiên niên kỷ thứ 3 này, dân tộc VN sẽ đóng góp thật nhiều vì sự nghiệp mưu cầu hòa bình, phát triển, hạnh phúc của toàn nhân loại. Dân tộc VN cần sáng tạo ra những hệ lý thuyết hầu giúp cho toàn nhân loại sớm có hòa bình toàn diện, hợp tác, phát triển, hạnh phúc ở mức cao. Tôi không dừng lại ở ước mơ, ý tưởng. Tất cả mọi vấn đề tôi nói ra, viết ra đều được tôi nghiên cứu thấu đáo, cụ thể, chi tiết để có thể trở thành kế hoạch thực hiện ngay lập tức ở thực tiễn.

Có những vấn đề quan trọng nhất, cốt lõi nhất mang tính tiên đề trong hệ lý thuyết chủ nghĩa CS Mác - Lê Nin lại sai lầm, thiếu sót.

Lý thuyết về giá trị thặng dư sức lao động là lý thuyết quan trọng nhất trong hệ lý luận về kinh tế học, xã hội học của chủ nghĩa CS MLN do Các Mác – Ăng ghen sáng lập.

Các Mác sử dụng hai công thức :

$T - H - T'$ và $G = C + V + M$, để chứng minh nhận định nhiều vấn đề kinh tế, xã hội.

$T - H - T'$ là hàng tiền hàng. $T - H - T'$ là chu kỳ mỗi vòng quay vốn trong sản xuất, kinh doanh. G là tổng giá trị sản phẩm. C : là phần chi phí, nguyên liệu, nhiên liệu, khấu hao tài sản cố định trong sản xuất kinh doanh cấu thành giá trong sản phẩm. V : là tiền của doanh nghiệp trả thu nhập cho người lao động cấu thành trong giá trị sản phẩm. M : Các Mác gọi là phần lợi nhuận của chủ doanh nghiệp. Các Mác cho rằng M là một phần được trích ra từ V . Các Mác gọi M là lợi nhuận của doanh nhân. Lợi nhuận của doanh nhân chính là một phần mà doanh nhân tước đoạt giá trị sức lao động của người lao động.

Từ đây Các Mác kết luận rằng :

1- Toàn bộ tích lũy sản để trở thành giàu có của giới doanh nhân là do bóc lột giá trị thặng dư sức lao động của người lao động làm thuê cho mình. Nói cách khác doanh nhân bóc lột sức lao động của người lao động làm thuê cho mình để có tích lũy tài sản. Như vậy doanh nhân thuộc về giai cấp bóc lột và người lao động làm thuê thuộc về giai cấp bị bóc lột. Bản chất sâu sắc của sự bóc lột sức lao động của doanh nhân đối với người lao động là sự bất công thiếu đạo đức.

2- Các Mác cho rằng bản chất sâu sắc, nguyên nhân sâu xa để tạo ra sự bần cùng hóa, nghèo khổ của người lao động làm thuê là do họ bị giới doanh nhân bóc lột giá trị thặng dư sức lao động của họ.

3- Các Mác cho rằng: muốn làm cho người lao động làm thuê bớt nghèo khổ, thoát khỏi sự bần cùng hóa thì phải xóa bỏ sự bóc lột giá trị thặng dư sức lao động của gia cấp doanh nhân đối với người lao động làm thuê. Muốn xóa bỏ tận gốc sự bóc lột, giá trị thặng dư sức lao động đối với người lao động làm thuê thì phải xóa bỏ quan hệ bóc lột giá trị thặng dư sức

lao động của giới doanh nhân đối với người lao động. Muốn làm được tận gốc việc xóa bỏ giá trị thặng dư sức lao động của giới doanh nhân đối với người lao động làm thuê thì phải xóa bỏ sự tư hữu về tài sản, tư liệu sản xuất trong xã hội loài người. Các Mác đã đề ra cách thức để tiến tới xóa bỏ triệt để sự tư hữu tài sản, tư liệu sản xuất trong xã hội là sử dụng bạo lực của người lao động làm thuê cưỡng bức tịch thu toàn bộ tài sản, tư liệu sản xuất do giới doanh nhân sở hữu để làm thành tài sản, tư liệu sở hữu công cộng tập thể toàn xã hội.

Các Mác nhận định rằng xu hướng phát triển toàn nhân loại trên thế giới rồi sẽ loại bỏ hoàn toàn giai cấp bóc lột, có nghĩa rằng toàn thế giới sẽ không còn loại hình sở hữu tài sản, tư liệu sản xuất của tư nhân, chỉ còn duy nhất loại hình sở hữu tài sản, tư liệu sản xuất công cộng, tập thể của chung toàn xã hội. Các Mác nhận định chắc chắn rằng mô hình kinh tế, chính trị XHCN sẽ thắng thế hoàn toàn mô hình kinh tế, chính trị phong kiến tư bản tư nhân ở phạm vi toàn thế giới.

Chủ nghĩa xã hội là giai đoạn thấp của chủ nghĩa cộng sản. Ở giai đoạn chủ nghĩa xã hội là khi đó toàn bộ sở hữu, tài sản, tư liệu sản xuất là của chung toàn xã hội, không còn tồn tại loại hình sở hữu tài sản, tư liệu sản xuất của tư nhân. Trong giai đoạn xã hội XHCN, mọi người trong xã hội được bình đẳng quyền con người như nhau, mọi người được làm việc cống hiến theo năng lực và được phân chia quyền lợi khi tham gia lao động theo mức năng lực cống hiến hiệu quả của mình cho xã hội trong khi tham gia sản xuất, kinh doanh.

Chủ nghĩa CS là giai đoạn cao nhất của sự phát triển xã hội XHCN. Khi đó xã hội loài người đã rất giàu có, năng suất lao động của con người rất cao, của cải vật chất do con người làm ra đủ tới dư thừa nhu cầu hưởng thụ vật chất của loài người. Khi ấy mọi con người trên trái đất sẽ được hưởng sự làm việc cống hiến theo khả năng và được hưởng thụ đời sống vật chất, tinh thần theo nhu cầu.

Các Mác đã ra lời kêu gọi : « Vô sản toàn thế giới hãy đoàn kết lại ! ». Các Mác kêu gọi người lao động làm thuê trên toàn thế giới hãy đoàn kết nhau lại để xóa bỏ hoàn toàn chế độ phong kiến, chế độ tư bản trên toàn thế giới. Các Mác đã chỉ ra con đường sử dụng vũ lực của người lao động làm thuê để tịch thu toàn bộ tài sản, tư liệu sản xuất sở hữu tư nhân của giới doanh nhân để làm sở hữu tài sản, tư liệu sản xuất công cộng của nhân dân toàn thế giới. Các Mác chủ trương toàn thế giới sẽ tiến tới thế giới đại đồng.

Thế giới đại đồng là khi đó toàn nhân loại hoàn toàn không còn kinh tế tư nhân, chỉ còn lại duy nhất một loại hình là kinh tế quốc doanh, tập thể toàn xã hội. Các Mác chủ trương xóa bỏ biên giới của mọi quốc gia để thiết lập một nhà nước chung toàn nhân loại.

Đích đến phát triển cuối cùng cho xã hội loài người toàn thế giới theo Các Mác mô tả là như vậy. Các Mác luôn đề ra chủ trương sử dụng bạo lực của người lao động làm thuê toàn thế giới để làm cuộc cách mạng thay đổi cho xã hội loài người. Các Mác đặt một cái tên rất mỹ miều cho sự sử dụng vũ lực để tiến hành cuộc cách mạng của những người lao động làm thuê gọi là

chuyên chính vô sản.

Vì trong hệ lý thuyết của CNCS do Các Mác và Ăng Ghen viết ra có chủ trương đường lối chỉ ra là phải sử dụng bạo lực chuyên chính vô sản để làm cuộc cách mạng thay đổi xã hội cho nên ở hầu hết các quốc gia cộng sản trên toàn thế giới đều đã thực hiện, diễn ra đúng như lý thuyết mà ông tổ của CNCS Các Mác đã chỉ ra. Lê Nin là nhà lãnh đạo thực hiện CNCS đầu tiên của thế giới tại nước Nga. Do vậy sau này thế giới gọi tên là CNCS M-L.

Cách mạng CNCS thành công đầu tiên tại nước Nga vào tháng 10 năm 1917. Lãnh tụ CNCS Lê Nin đã lãnh đạo giới công nhân và nông dân là người lao động Nga sử dụng vũ lực nổi dậy lật đổ hoàn toàn nhà nước Nga Hoàng. Sau đó lãnh tụ Lê Nin chỉ đạo việc thực hiện quốc hữu hóa toàn bộ tài sản, tư liệu sản xuất của mọi người dân Nga để xóa bỏ chế độ sở hữu tài sản, tư liệu sản xuất tư nhân làm thành sở hữu tài sản, tư liệu sản xuất công cộng toàn xã hội. Lê Nin đã chỉ đạo thực hiện mô hình nhà nước, xã hội XHCN đầu tiên trên thế giới tại nước Nga vào tháng 10 năm 1917.

Để làm cuộc cách mạng xóa bỏ chế độ sở hữu tư nhân về tài sản, tư liệu sản xuất, để thực hiện thành công mô hình sở hữu chung toàn xã hội về tài sản, tư liệu sản xuất ở nước Nga, năm 1917 Lê Nin đã lãnh đạo yêu cầu giai cấp công nhân và nông dân Nga sử dụng chuyên chính vô sản. Tức là bạo lực của giai cấp công nhân và nông dân.

Theo nhiều nguồn tin từ sử sách của nước Nga và thế giới ghi chép lại thì vào năm 1917 tại nước Nga diễn ra hàng loạt vụ sử dụng bạo lực của giai cấp công nhân và nông dân để cưỡng bức, tịch thu tài sản, tư liệu sản xuất của tư nhân để trở thành tài sản, tư liệu sản xuất chung của nhà nước XHCN của nước Nga. Tất cả mọi người dân Nga chống lại việc cưỡng bức, tịch thu tài sản tư liệu sản xuất sở hữu tư nhân để làm thành sở hữu công cộng về tài sản, tư liệu sản xuất tại nước Nga đều bị đánh đập, bỏ tù hoặc xử tử hình (hành quyết không cần có sự xét xử của tòa án). Có ít nhất hơn một triệu người dân Nga năm 1917 bị tịch thu toàn bộ tài sản, tư liệu sản xuất do họ sở hữu và đồng thời họ bị đánh đập, bỏ tù, hành quyết. Trong thế kỷ 20 đã có hơn 20 quốc gia châu Âu khác đã học theo nước Nga để thực hiện chế độ XHCN là Ba Lan, Tiệp Khắc, Bulgari, Đông Đức, Ucraina, Chesnia, ...

Cũng trong thế kỷ 20 tại châu Á có Trung Quốc, VN, Bắc Triều Tiên, Myanma đã thực hiện thành công cuộc cách mạng lập nên nhà nước, xã hội XHCN. Myanma theo đường lối XHCN được một số năm thì quay lại con đường kinh tế, chính trị phi XHCN. Ở châu Mỹ La tinh thì có CuBa thực hiện thành công cuộc cách mạng kinh tế, chính trị XHCN. Ở hầu hết tất cả các quốc gia XHCN trên thế giới đều đã sử dụng chuyên chính vô sản để thực hiện xóa bỏ sở hữu tư nhân về tài sản, tư liệu sản xuất để làm thành sở hữu công cộng toàn xã hội về tài sản, tư liệu sản xuất.

Tại hơn 20 quốc gia XHCN tại châu Âu và các quốc gia XHCN khác trên toàn thế giới đều đã diễn ra sự sử dụng bạo lực chuyên chính vô sản để cưỡng bức, tịch thu tài sản, tư liệu sản xuất tư nhân để làm thành sở hữu công cộng

toàn xã hội về tài sản, tư liệu sản xuất. Tại hầu hết các quốc gia XHCN trên thế giới đều đã diễn ra hàng loạt vụ cưỡng bức, đánh đập, bỏ tù, hành quyết những người sở hữu tài sản, tư liệu sản xuất tư nhân mà họ cứng đầu chống lại. Từ 1917 đến 1950 đã hình thành nên hơn 20 nhà nước XHCN ở châu Âu. Vào khoảng năm 1987 đến năm 1991 hơn 20 quốc gia XHCN châu Âu đồng loạt từ bỏ hoàn toàn chế độ kinh tế, chính trị XHCN. Tại hơn 20 quốc gia XHCN châu Âu đó họ đã đồng loạt từ bỏ hoàn toàn chế độ chính trị XHCN, họ đã cổ phần hóa toàn bộ những doanh nghiệp và hợp tác xã có vốn tập thể trở thành các cơ sở kinh tế sở hữu vốn của tư nhân. Vậy phải chăng chế độ kinh tế, chính trị XHCN có những điều gì không tốt nên dẫn đến việc hơn 20 quốc gia XHCN châu Âu họ đã đồng loạt từ bỏ hoàn toàn chế độ kinh tế, chính trị XHCN?!

Tại Trung Quốc từ 1978 đến nay 2013 đã diễn ra cuộc cách mạng cải cách về kinh tế. Tuy không xóa bỏ hoàn toàn chế độ kinh tế, chính trị XHCN nhưng tại Trung Quốc và VN đã thực hiện hàng loạt sự cổ phần hóa doanh nghiệp vốn nhà nước thành những doanh nghiệp vốn sở hữu tư nhân. Từ 1986 đến nay VN ta vẫn liên tục tuyên bố là VN ta phát triển đường lối kinh tế thị trường có định hướng XHCN. Nhưng thực tế tại VN từ 1986 đến nay bản chất đường lối kinh tế tại VN lại phát triển ngược lại hoàn toàn so với tuyên truyền về đường lối của nhà nước VN. Từ 1986 đến nay tại VN tiến hành cổ phần hóa hàng loạt doanh nghiệp vốn nhà nước thành doanh nghiệp vốn tư nhân. Bản chất đó chính là sự tiêu diệt nền kinh tế XHCN để trở thành nền kinh tế phi XHCN.

Quan hệ kinh tế chính là quan hệ sâu sắc nhất của quan hệ chính trị xã hội ở mọi quốc gia. Hơn 20 quốc gia XHCN châu Âu từ năm 1987 đến 1991 đã tiêu diệt ồ ạt nhanh chóng kinh tế XHCN trở thành kinh tế phi XHCN. Có nghĩa rằng hơn 20 quốc gia XHCN châu Âu họ đã tiến hành cổ phần hóa toàn bộ ngay lập tức doanh nghiệp vốn sở hữu nhà nước thành doanh nghiệp vốn tư nhân. Tại VN & Trung Quốc thì tiến hành cổ phần hóa dần dần các doanh nghiệp vốn sở hữu nhà nước thành các doanh nghiệp vốn tư nhân. So với tốc độ tiếp tục cổ phần hóa doanh nghiệp sở hữu vốn nhà nước như hiện nay thì chỉ khoảng 20 năm nữa VN sẽ không còn tồn tại loại hình doanh nghiệp vốn nhà nước. Khi đó VN chỉ còn tồn tại duy nhất loại hình sở hữu vốn tư nhân. Khi VN chỉ còn hoàn toàn là nền kinh tế tư nhân, kinh tế XHCN không còn thì chắc chắn đến khi đó chính trị XHCN sẽ không còn tồn tại.

Bản chất nền kinh tế VN hiện nay là nền kinh tế hỗn hợp gồm cả kinh tế XHCN và kinh tế phi XHCN. Từ năm 1986 đến nay, xét về bản chất là VN đang từ từ xóa bỏ nền kinh tế XHCN để dần đi theo nền kinh tế phi XHCN toàn phần đó là sự xóa bỏ dần dần kinh tế XHCN chứ không phải là VN định hướng phát triển kinh tế XHCN theo như tuyên truyền đường lối kinh tế của Đảng, chính phủ VN.

Có một thực tế phổ biến không thể chối cãi là tại VN từ hơn nửa thế kỷ qua đến nay có rất nhiều đảng viên ĐCSVN, công chức, nhân dân VN hiểu sai, hiểu thiếu đầy đủ về những vấn đề bản chất kinh tế, chính trị mang tính cốt

lỗi, cơ bản.

Ông, bà, cha, mẹ đẻ và cha mẹ vợ của tôi đều là những ĐVCSVN lâu năm. Do vậy bản thân tôi không có bất kỳ động cơ, lý do nào để thù ghét, đối lập với ĐCSVN. Thế hệ ông, bà, cha, mẹ của tôi cả cuộc đời gắn bó, cống hiến cho ĐCSVN. Tôi yêu ông, bà, cha, mẹ mình và yêu ĐCSVN. Tuy nhiên tục ngữ của dân tộc VN ta có câu: “ Con hơn cha mẹ, cháu hơn ông bà là nhà có phúc!”. Có nghĩa rằng thế hệ sau tốt hơn thế hệ trước không bị mắc sai lầm, thiếu sót như thế hệ trước thì điều đó là phúc lớn của một dân tộc. Thế hệ sau nếu khôn ngoan thì phải biết kế thừa tất cả những điều tốt đẹp của thế hệ trước, đồng thời phải biết khắc phục những thiếu sót, sai lầm của thế hệ trước.

Tôi là đại biểu tinh hoa của thế hệ người VN đang sống hiện nay. Nhờ quyết tâm học hành, nghiên cứu tôi tiếp thu được rất nhiều tinh hoa của các thế hệ tiền nhân VN, rất nhiều tinh hoa của thế giới, đồng thời tôi hiểu ra được những sai lầm, thiếu sót mà các thế hệ tiền nhân VN, tiền nhân của nhân loại từng mắc phải. Nay tôi hoàn toàn không có ý cậy tri thức cao của mình để châm chọc, chỉ trích, phỉ báng Đảng, Nhà nước, Chính phủ, Quốc hội VN. Đối với mỗi công dân VN Đảng, Nhà nước, Quốc hội, Chính phủ tựa như là cha mẹ. Chính quyền VN trong sáng ban hành được đường lối đúng đắn thì nhân dân VN được nhờ cậy, giàu có, hạnh phúc. Ngược lại chính quyền VN ban hành những đường lối sai lầm, thiếu sót thì nhân dân VN đói khổ, bất hạnh.

Tôi là người yêu dân tộc, nhân dân và chính quyền VN tha thiết. Tôi chỉ muốn góp ý chân thành, phân tích khoa học để giúp toàn thể đảng viên, công chức, doanh nhân, trí thức, nhân dân VN tự hiểu được những sai lầm, thiếu sót quan trọng mà từ hơn nửa thế kỷ qua đến nay rất nhiều người VN mắc phải. Khi tư duy, nhận thức sai ắt sẽ dẫn đến sai lầm, hậu quả xấu khi hành động.

VN ta từ hơn nửa thế kỷ qua đến nay lấy hệ lý thuyết CNCS M-L làm kim chỉ nam, nền tảng lý luận căn bản để tư duy lãnh đạo đường lối phát triển kinh tế, chính trị, xã hội ở VN. Khi lý thuyết CNCS M-L có nhiều chỗ sai lầm, thiếu sót thì tất yếu VN không thể phát triển kinh tế, chính trị, xã hội tốt được.

Tôi đã nghiên cứu rất sâu, kỹ để có thể chỉ ra được rất nhiều chỗ sai, thiếu trong hệ lý thuyết CNCS M-L.

Hơn 20 quốc gia XHCN châu Âu họ đã từng vứt bỏ hoàn toàn hệ lý thuyết CNCS M-L vào sọt rác lịch sử. Thế giới hiện nay có gần 200 quốc gia và vùng lãnh thổ, nhưng chỉ còn 4 quốc gia đi theo con đường CNCS M-L. Các Mác quê hương tại nước Đức, Ăng Ghen quê hương tại nước Anh, Lê Nin quê hương tại nước Nga. Ngày nay nhân dân nước Đức, nước Anh, nước Nga đã không còn tin theo hệ lý thuyết CNCS do sự sáng lập, ứng dụng thử nghiệm của các vị Các Mác, Ăng Ghen, Lê Nin nữa.

CNCS không được sáng tạo, phát minh ra tại VN. Các Mác, Ăng Ghen, Lê Nin không phải là người VN. Dân tộc, nhân dân VN không có nghĩa vụ buộc

phải tôn thờ, sùng bái, trung thành với CNCS và các vị Các Mác, ĂngGhen, Lê Nin. Dân tộc, nhân dân VN có quyền lựa chọn những tinh hoa của thế giới để tiếp thu và có quyền từ chối tiếp thu những sự thiếu tinh hoa, sai lầm.

Tôi đã dành ra hơn 30 năm miệt mài để nghiên cứu sâu, kỹ hệ lý thuyết CNCS M-L. Tôi có thể đánh giá được đúng mức hầu hết mọi tinh hoa và hầu hết mọi sai lầm, thiếu sót của hệ lý thuyết CNCS M-L. Tôi đã gạn đục khơi trong chất lọc lại hầu hết tinh hoa của hệ lý thuyết CNCS M-L và nhiều chủ nghĩa, lý thuyết khác.

Từ sự kế thừa những tinh hoa của CNCS M-L và nhiều chủ nghĩa lý thuyết khác cộng với nhiều sự sáng tạo mới tôi và một số trí thức VN đã phát triển một hệ lý thuyết mới có tên là chủ nghĩa Cộng đồng. Cộng có nghĩa là gộp lại, là hợp tác. Đồng có nghĩa là đồng thanh, đồng thuận. Cộng đồng có nghĩa là sự hợp tác bình đẳng, tự nguyện. Chủ nghĩa Cộng đồng là hệ lý thuyết chỉ ra sự hợp tác bình đẳng tự nguyện của con người trong xã hội loài người.

Lý thuyết CNCS M-L chỉ ra con đường sử dụng bạo lực để cưỡng bức con người trong xã hội bắt buộc phải hợp tác với nhau. Từ thế kỷ 20 đến nay ở hầu hết các quốc gia XHCN đều đã sử dụng bạo lực để cưỡng bức con người buộc phải theo chế độ kinh tế, chính trị CNCS M-L, cho dù không tự nguyện nhiều vẫn phải theo. Lý thuyết chủ nghĩa Cộng đồng do tôi và một số trí thức phát triển chỉ ra con đường ôn hòa, nhân văn, không sử dụng bạo lực để thiết lập những quan hệ hợp tác, bình đẳng và tự nguyện giữa con người với con người.

Lý thuyết CNCS do Các Mác và Ăng Ghen viết ra có quá nhiều sự sai lầm, thiếu sót nghiêm trọng. Một trong những sai lầm, thiếu sót nghiêm trọng là ở trong phần viết về lý thuyết giá trị thặng dư sức lao động. Các Mác đã kết luận toàn bộ giới doanh nhân ở khối doanh nghiệp vốn tư nhân là thuộc về giai cấp bóc lột là sai lầm, thiếu sót cơ bản. Các Mác đã không nhìn nhận, phân tích được là trên thực tế xã hội có 2 loại hình kinh tế tư nhân là tư nhân tư bản và tư nhân phi tư bản. Tôi gọi kinh tế tư nhân phi tư bản là kinh tế cộng đồng. Kinh tế tư nhân tư bản là kinh tế có sự bóc lột sức lao động của doanh nhân đối với người lao động làm thuê.

Khi người lao động làm thuê bị doanh nhân trả thu nhập nhỏ hơn mức cống hiến hiệu quả của họ thì khi đó người lao động làm thuê trở thành người bị giới doanh nhân bóc lột giá trị thặng dư sức lao động, khi ấy người lao động làm thuê mới thực sự thuộc về giai cấp bị bóc lột. Khi còn tồn tại chế độ nô lệ, khi có sự cưỡng bức lao động đối với người làm thuê thì khi đó là tồn tại kinh tế tư nhân tư bản. Khi kinh tế tư nhân mà người lao động được tôn trọng quyền con người, khi người lao động được doanh nhân trả thu nhập xứng đáng với mức cống hiến của họ thì khi đó doanh nhân không bóc lột người lao động, người lao động làm thuê khi ấy không bị bóc lột, họ không thuộc về giai cấp bị bóc lột.

Như phân tích rõ ràng này thì có 2 loại doanh nhân là doanh nhân bóc lột và

doanh nhân không bóc lột; có 2 loại người lao động là người lao động bị bóc lột và người lao động không bị bóc lột. Trong lý thuyết chủ nghĩa cộng sản Mác – Lê Nin chỉ viết đề cập đến duy nhất một loại doanh nhân bóc lột và một loại người lao động bị bóc lột. Các Mác đã quy kết oan sai loại doanh nhân không bóc lột trở thành loại doanh nhân bóc lột. Về đạo đức, tôi hoàn toàn không ủng hộ chế độ xã hội có xảy ra sự bóc lột sức lao động của con người. Nhưng tôi cũng không ủng hộ việc kết tội oan sai người vô tội. Việc Các Mác kết tội oan sai những doanh nhân chân chính không bóc lột, vu tội cho họ trở thành những doanh nhân bóc lột thì thật là đáng trách.

Từ thế kỷ 20 đến nay đã có khoảng 30 quốc gia trên thế giới từng thực thi chế độ kinh tế, chính trị XHCN. Tại hầu hết các quốc gia XHCN trên thế giới đều đã thực hiện bạo lực để cưỡng bức, tịch thu tài sản, tư liệu sản xuất sở hữu tư nhân để làm thành sở hữu công cộng toàn xã hội về tài sản, tư liệu sản xuất. Đã có rất nhiều doanh nhân bị tước đoạt tài sản, tư liệu sản xuất do họ sở hữu và còn có nhiều doanh nhân bị đánh đập, làm nhục, bị tù tội, bị giết chết ở hầu hết các quốc gia XHCN trên thế giới đều có. Theo nhiều nguồn thông tin, tài liệu đáng tin cậy ở VN và nhiều nước XHCN trên thế giới ước tính rằng trong số doanh nhân bị tịch thu tài sản, tư liệu sản xuất sở hữu tư nhân ấy có đến hơn 90% là những doanh nhân chân chính họ không hề thuộc loại doanh nhân bóc lột người lao động, số doanh nhân có tham gia bóc lột người lao động làm thuê chỉ chưa đến 10%.

Tại miền Bắc VN trong khoảng năm 1953 đến 1956 đã thực hiện cuộc cách mạng cải cách ruộng đất và cải tạo tư sản. Trong cuộc cách mạng ấy tại miền Bắc VN đã tiến hành cưỡng bức, tịch thu toàn bộ tài sản, tư liệu sản xuất sở hữu của nhiều địa chủ và tư sản. Đã có không ít người địa chủ và nhà tư sản bị đánh đập, làm nhục hình, bị bỏ tù, bị xử tử hình trong cuộc cách mạng cải cách ruộng đất, cải tạo tư sản ở miền Bắc VN giai đoạn 1953 đến 1956. Có rất nhiều người là địa chủ, tư sản yêu nước có tham gia kháng chiến chống Nhật, chống Pháp cũng bị tịch thu toàn bộ tài sản, tư liệu sản xuất do họ sở hữu để làm thành sở hữu tài sản, tư liệu sản xuất công cộng toàn dân. Hiệp định Giơ-ne-vơ được ký kết năm 1954 thất bại của đế quốc Pháp tại chiến dịch Điện Biên Phủ. Theo hiệp định Giơ-ne-vơ do Pháp ký kết với chính phủ cách mạng của miền Bắc VN là sau khi Pháp rút quân khỏi VN thì VN tạm thời bị phân chia thành hai miền Nam – Bắc, lấy vĩ tuyến 17 làm giới tuyến.

.....

KẾT LUẬN SỚM:

Tôi viết đến đây mới chỉ được khoảng 20% nội dung theo dự kiến ban đầu sẽ viết trong bài viết này. Vì lý do đặc biệt tôi phải dừng lại đột ngột kết thúc sớm bài viết này tại đây. Ngay khi có điều kiện tôi sẽ viết tiếp phần bổ sung nội dung của bài viết này. Tôi không muốn nhưng đành phải giải thích một chút với quý vị và các bạn lý do mà tôi buộc phải dừng lại đột ngột kết thúc sớm bài viết này so với dự kiến ban đầu:

Tôi là doanh nhân, trí thức yêu nước đồng thời là nhà hoạt động vì quyền con người cho nhân dân Việt Nam. Vì tham gia hoạt động để mưu cầu quyền con người toàn diện, đầy đủ cho nhân dân VN nên tôi đã bị chính quyền VN kết án 5 năm tù giam. Tôi đã mãn hạn tù và được ra tù từ hơn 1 năm nay. Tuy vậy, tôi chưa hoàn toàn được tự do vì tôi còn phải bị quản chế 3 năm sau khi ra tù. Trong thời gian bị quản chế tôi bị hạn chế một số quyền con người quan trọng như:

- 1- Không được tham gia bầu cử, ứng cử vào bộ máy chính quyền nhân dân các cấp.
- 2- Tuyệt đối không được đi lại ra khỏi địa bàn phường nơi tôi đang sinh sống là phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.
- 3- Tôi còn bị hạn chế một số quyền con người khác nữa công khai hoặc bí mật do chính quyền tiến hành.

Trong vụ án của tôi còn có 3 người nữa bị kết án tù đó là:

- 1/ Doanh nhân yêu nước Trần Huỳnh Duy Thức bị kết án 16 năm tù giam, 5 năm quản chế.
- 2/ Luật sư nhân quyền yêu nước Lê Công Định 5 năm tù giam, 3 năm quản chế.
- 3/ Trí thức yêu nước trẻ Nguyễn Tiến Trung 7 năm tù giam, 3 năm quản chế.

Tất cả nhóm bốn người chúng tôi đều là những doanh nhân, trí thức rất yêu nước và yêu nhân loại nồng nàn. Chúng tôi không hề có tội lỗi gì hết nhưng chính quyền VN cố ý bắt giam tù và xử án chúng tôi về tội tham gia lật đổ chính quyền nhân dân. Chúng tôi hoàn toàn không hề có ý định về sự lật đổ chính quyền VN. Chúng tôi hoàn toàn không có sử dụng bất kỳ một hình thức vũ lực nào. Chúng tôi chỉ sử dụng những biện pháp hết sức ôn hòa để đòi quyền con người đầy đủ đại diện cho nhân dân VN. Chúng tôi là những người có công chứ không phải là những người có tội.

ĐCSVN và CQVN thực sự có tội lỗi vì đã vi phạm quyền con người đối với nhân dân VN. VN vừa trở thành thành viên chính thức của Hội đồng nhân quyền Liên Hiệp Quốc. Tôi đề nghị ĐCSVN và CQVN hãy thực sự tôn trọng quyền con người của nhân dân VN. Đối chiếu với Tuyên ngôn nhân quyền quốc tế và các công ước liên quan mà Liên Hiệp Quốc đã ban hành, Việt Nam đã ký kết tham gia thì từ nhiều năm qua đến nay nhân dân VN chưa được hưởng đầy đủ, toàn diện về quyền con người. Tôi xin dẫn chứng cụ thể những quyền con người quan trọng như sau đã bị tước bỏ, ngăn cấm, cản trở tại VN:

- 1- Quyền tự do ngôn luận.
- 2- Quyền tự do tôn giáo.

- 3- Quyền tự do lập đảng, lập hội.
- 4- Quyền tự do biểu tình.
- 5- Quyền bình đẳng quyền kinh doanh.
- 6- Quyền tự do, bình đẳng, dân chủ trong ứng cử và bầu cử.

ĐCSVN và CQVN đã bao biện để giải thích, cắt xén nội dung nguyên bản của Tuyên ngôn nhân quyền quốc tế và các công ước liên quan mà Liên Hiệp Quốc đã ban hành, Việt Nam đã ký kết tham gia. Tại nhiều quốc gia dân chủ trên thế giới nội dung Tuyên ngôn nhân quyền quốc tế và các công ước liên quan do Liên Hiệp Quốc ban hành được phổ biến rộng rãi nguyên bản và được dạy trọng nhà trường phổ thông cấp tiểu học.

Sau đây tôi xin diễn giải nội dung cơ bản về Tuyên ngôn nhân quyền quốc tế và các công ước liên quan mà Liên Hiệp Quốc đã ban hành, Việt Nam đã ký kết tham gia mà tôi vừa nêu để chứng minh sự vi phạm quyền con người rất nghiêm trọng đối với nhân dân VN:

Trong quyền tự do ngôn luận có nội dung công nhận nhân dân các quốc gia trên thế giới có quyền tự do hội họp, quyền tự do viết bài, quyền tự do nói ra những quan điểm riêng của mình trước xã hội. Tại VN từ hàng chục năm qua đến nay nhân dân không được thành lập báo chí tư nhân, đài phát thanh tư nhân, đài truyền hình tư nhân. Người dân lên tiếng phản ứng đòi tự do, dân chủ, nhân quyền thì bị khép tội, bắt giam tù. Vụ án của chúng tôi là một bằng chứng cụ thể, sống động về việc vi phạm này.

Về quyền tự do tôn giáo ở Việt Nam có rất nhiều sự vi phạm. Tôi chỉ tạm nêu một số vấn đề cụ thể để chứng minh sự vi phạm quyền tự do tôn giáo tại VN. Từng hàng chục năm qua đến nay, trên 8 triệu đồng bào Công giáo VN bị vi phạm quyền tự do tôn giáo như sau:

- 1- Người dân Công giáo VN không được tham gia lực lượng công an.
- 2- Người dân Công giáo VN không được trở thành sỹ quan quân đội.
- 3- Đồng bào Công giáo VN không được trở thành công chức chính quyền cao cấp.
- 4- Sỹ quan công an lấy vợ hoặc chồng người Công giáo thì bị ra khỏi ngành hoặc bị gây khó khăn trong phát triển sự nghiệp.

Tại VN còn rất nhiều sự vi phạm về quyền tự do tôn giáo khác nữa chứ không chỉ dừng lại ở những vấn đề vi phạm quyền tự do tôn giáo mà tôi vừa nêu. Hầu hết các quốc gia trên thế giới đều đã có quyền tự do tôn giáo đầy đủ, toàn diện cho nhân dân. VN là trong số rất ít các quốc gia trên thế giới có sự vi phạm quyền tự do tôn giáo nghiêm trọng.

Có nhiều quyền con người phổ biến trên thế giới không được thực hiện tại VN. Quyền tự do lập đảng, lập hội là những quyền con người quan trọng, tối

thiếu của nhân dân gần 200 quốc gia trên thế giới thì tại VN quyền tự do lập đảng bị cấm tuyệt đối và quyền lập hội bị hạn chế. Nhân dân VN tham gia lập đảng, lập hội bị ghép vào trọng tội.

Ở nhiều quốc gia trên thế giới tự do biểu tình là quyền rất phổ biến trong xã hội. Gần 200 quốc gia trên thế giới đều đã có luật biểu tình. Nhưng VN là một trong số rất ít những quốc gia trên thế giới chưa có luật biểu tình. Có rất nhiều sự chính quyền VN ngăn cấm, cản trở nhân dân biểu tình chống lại sự sai trái của ĐCSVN & CQVN, biểu tình chống việc Trung Quốc xâm lấn biển đảo của VN.

Ở VN hiện nay có khoảng 500 ngàn doanh nghiệp vốn tư nhân và khoảng 9 ngàn doanh nghiệp vốn nhà nước. Cho đến nay mặc dầu CQVN đã nói lỏng rất nhiều nhưng vẫn còn dành quá nhiều đặc quyền cho doanh nghiệp vốn nhà nước. Có rất nhiều lĩnh vực kinh doanh CQVN vẫn giành độc quyền hoặc gần độc quyền cho những doanh nghiệp vốn nhà nước như:

- 1- Lĩnh vực bưu chính viễn thông.
- 2- Lĩnh vực giao thông đường sắt, đường hàng không, cầu cảng biển.
- 3- Lĩnh vực truyền thông: báo chí, phát thanh, truyền hình.
- 4- Thăm dò và khai thác dầu khí, khoáng sản.
- 5- Sản xuất, cung cấp vũ khí cho quân đội và công an.

CQVN luôn tự nhận VN đã là nền kinh tế thị trường nhưng theo tôi VN là một nền kinh tế thị trường chưa đầy đủ, toàn diện. Khi chưa có quyền bình đẳng trong kinh doanh giữa doanh nghiệp vốn nhà nước và doanh nghiệp vốn tư nhân thì chưa phải là nền kinh tế thị trường đầy đủ, toàn diện. Khi chưa có quyền bình đẳng kinh doanh thì đó là thiếu bình đẳng về quyền con người đối với giới doanh nhân ở khối doanh nghiệp vốn tư nhân. Đó cũng chính là sự vi phạm quyền con người đối với người làm doanh nhân ở khối kinh tế tư nhân.

Quyền bầu cử, ứng cử tự do của nhân dân VN bị vi phạm nghiêm trọng. Thực tế chính trị ở VN thấy rất rõ là quyền lực thực tế của Tổng bí thư ĐCSVN cao hơn, bao trùm rộng hơn so với quyền lực thực tế của những chức vụ chủ tịch nước, chủ tịch quốc hội, thủ tướng chính phủ. Các cấp chính quyền địa phương ở tuyến xã, phường, huyện, quận, tỉnh, thành phố thì quyền lực thực tế các chức vụ chủ tịch hội đồng nhân dân và chủ tịch ủy ban nhân dân luôn thấp hơn quyền lực thực tế của bí thư ĐCSVN ở các cấp chính quyền đó. Vậy mà từ trước đến nay nhân dân VN chỉ được tham gia ứng cử, bầu cử vào bộ máy của quốc hội và một số cấp chính quyền. Nhân dân VN tuyệt đối không được tham gia ứng cử, bầu cử vào các chức vụ của ĐCSVN.

Trong điều 4 Hiến pháp VN có nội dung thừa nhận ĐCSVN lãnh đạo toàn

diện xã hội VN và đại diện quyền lợi cho toàn thể nhân dân VN.

Từ khi thành lập nước đến nay chưa bao giờ tại VN tổ chức trưng cầu ý kiến nhân dân rộng rãi xem nhân dân có tự nguyện đồng ý ủy quyền cho ĐCSVN đại diện quyền lợi cho mình để lãnh đạo toàn diện xã hội VN hay không?

Chỉ khi nào có đủ 100% nhân dân VN ký giấy ủy quyền đồng ý tự nguyện cho ĐCSVN đại diện quyền lợi cho toàn thể nhân dân để lãnh đạo toàn diện XHVN thì điều 4 Hiến pháp VN mới thực sự hợp pháp.

VN là thành viên chính thức của ASEAN và Liên Hiệp Quốc. Do vậy tôi và toàn thể nhân dân VN vừa là công dân VN đồng thời còn là công dân của ASEAN và thế giới. Tất cả các công ước quốc tế do Liên Hiệp Quốc và ASEAN ban hành thì nhân dân VN nghiêm nhiên được hưởng đầy đủ và trọn vẹn.

Tôi chỉ vì đấu tranh đòi quyền con người chính đáng cho nhân dân VN mà phải bị tù tội. Từ khi ra tù đến nay tôi vẫn tiếp tục hoạt động vì quyền con người của nhân dân VN. CQVN đã nhiều lần nhắc nhở, ngăn cản tôi về hoạt động vì quyền con người cho nhân dân VN. Hiện nay nguy cơ tôi bị CQVN bắt giam tù trở lại là rất cao. Chính vì vậy mà tôi đành rút gọn kết thúc sớm bài viết này khi tôi mới chỉ viết được khoảng 20% nội dung theo dự kiến ban đầu.

Dẫu chưa viết đầy đủ hoàn chỉnh bài viết này theo ý muốn, nhưng tôi nhận thấy phần nội dung đã viết của tôi trong bài viết này rất có giá trị cống hiến với dân tộc VN. Vì vậy tôi quyết định kết thúc bài viết sớm để sớm đưa bài viết này phổ biến công khai rộng rãi nhằm cống hiến lợi ích cho dân tộc VN.

Bài viết này tôi viết trong hoàn cảnh áp lực về tinh thần rất lớn. Tôi chỉ viết một lần thành bản chính, không hề có bản nháp. Rất mong quý vị và các bạn lượng thứ nếu cảm thấy bài viết này của tôi chưa hoàn hảo.

Bài viết này tôi có đề gửi đến nhiều lãnh đạo cao cấp và rất nhiều cơ quan của ĐCSVN cùng CQVN. Tôi mong ĐCSVN và CQVN hiểu được thiện chí của tôi. Tôi không muốn chống đối mà chỉ tha thiết muốn được hợp tác với ĐCSVN và CQVN. Tôi chỉ muốn góp ý, phản biện, tư vấn để giúp cho ĐCSVN và CQVN có được những chương trình cải cách tốt về chính trị, kinh tế nhằm góp phần sớm đưa VN trở thành sánh vai với cường quốc năm châu như ý nguyện của chủ tịch Hồ Chí Minh.

Ông ngoại tôi là liệt sỹ cách mạng thời kháng chiến chống Pháp. Cha, mẹ đẻ của tôi đều là đảng viên ĐCSVN và từng tham gia 2 cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ. Bản thân tôi không hề có mối thù riêng nào đối với ĐCSVN và CQVN. Nhưng vì tôi nhận thấy ĐCSVN và CQVN có những sai lầm thiếu sót cho nên tôi muốn góp ý tư vấn.

Từ 1986 đến nay VN đã tiến hành cải cách về kinh tế nhưng đó là sự cải cách nửa vời, thiếu triệt để, thiếu toàn diện. Tôi muốn giúp cho VN cải cách

triệt để hơn, toàn diện hơn. Tôi luôn sẵn sàng tư vấn miễn phí cho ĐCSVN và CQVN để tiếp tục cải cách nhằm sớm đưa VN trở thành cường quốc.

Tôi muốn mở hội nghị, hội thảo để thuyết trình về chương trình tiếp tục cải cách VN. Tôi mong ĐCSVN và CQVN cho phép đồng thời đến dự hội thảo, hội nghị do tôi tổ chức về thuyết trình chủ đề cải cách VN.

Từ 7 năm qua đến nay VN rất khó khăn về kinh tế. Đặc biệt trong 3 năm từ 2011 đến 2013, VN bị rơi vào suy thoái, khủng hoảng kinh tế. Đã có hơn 100.000 doanh nghiệp VN bị ngưng hoạt động, giải thể, phá sản từ năm 2011 đến nay. ĐCSVN và CQVN tiến hành rà soát chương trình tái cấu trúc nền kinh tế VN từ năm 2012 đến nay nhưng kết quả thu lại rất ít. Tôi đảm bảo chắc chắn nếu theo phương án do tôi lập ra thì trong vòng 11 tháng đã có thể tái cấu trúc xong toàn bộ nền kinh tế VN.

Hiện nay VN vẫn còn là 1 trong 50 quốc gia nghèo nhất thế giới. Tôi đã lập kế hoạch phát triển cho VN để chỉ trong 10 đến 20 năm sẽ đưa VN trở thành một trong 50 quốc gia giàu nhất thế giới, từ 20 đến 30 năm sẽ đưa VN trở thành một trong 10 quốc gia giàu nhất thế giới. Tôi xin ĐCSVN và CQVN không cản trở, đồng thời tạo điều kiện tốt nhất cho tôi được cống hiến nhiều lợi ích cho dân tộc VN.

Lời cuối của bài viết này tôi xin kính chúc toàn thể lãnh đạo và đảng viên ĐCSVN, công chức CQVN, đồng bào VN ở trong nước và nước ngoài, bạn bè quốc tế luôn nhiều sức khỏe, bình an, may mắn, thành công, hạnh phúc.

Xin tất cả hãy bảo vệ quyền con người chính đáng của tôi để cho tôi được quyền cống hiến nhiều lợi ích cho dân tộc VN.

Mọi sự liên lạc với tôi theo địa chỉ nhà riêng tại: 80 Nguyễn Thái Bình, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Điện thoại di động: +84967375886, email: ltlong.cdv@gmail.com .

TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam, ngày 19/12/2013,

Lê Thăng Long – Lincoln Lê

Thành viên sáng lập Phong trào Con đường Việt Nam

